

## Chương 1

### Ghét, Thân, Thương, Yêu, Cười

Cách đây đã nhiều năm, khi ngành đường sắt còn duy trì nhiều tuyến nhánh, một hôm có một người phụ nữ trán cao, lóm đóm tàn nhang với mái tóc xoăn màu hung đến nhà ga để hỏi về vận chuyển đồ nội thất.

Nhân viên trực nhà ga theo thói quen thường buông lời trêu ghẹo với phụ nữ, nhất là những người trông làng nhàng và có vẻ thích được bông đùa.

“Đồ nội thất hả?” ông vặn hỏi cứ như chưa ai từng có ý định chuyển loại hàng đó bao giờ. “Rồi. Thế... Để xem phải chuyển những loại đồ gì đây?”

Một bộ bàn ăn kèm sáu ghế. Trọn bộ giường tủ trong phòng ngủ, một cái xô pha, một bàn nước, hai bàn góc, một cây đèn đứng. Còn một tủ ly và một tủ búp phê nữa.

“Ái chà. Có vẻ cô muốn chuyển nguyên một căn nhà.”

“Không nhiều đến thế đâu,” cô ta đáp. “Không có đồ nội thất bếp và chỉ vừa cho căn nhà một phòng ngủ thôi.”

Răng cửa cô ta xô hết về phía trước như sẵn sàng tranh cãi.

“Cô sẽ cần thuê xe tải đấy,” ông nói.

“Không, tôi muốn chuyển bằng tàu hỏa về miền Tây, hướng Saskatchewan.”

Cô ta nói lớn tiếng như thể ông bị điếc hay chậm hiểu, và có cái gì đó không ổn trong cách phát âm. Bị pha giọng. Ông nghĩ thậm chí đến Hà Lan - nhiều người gốc Hà Lan đang chuyển đến vùng này - nhưng cô ta không có dáng vóc cao to của những người phụ nữ Hà Lan, cũng không có nước da trắng hồng hay màu tóc sáng. Có lẽ cô ta chưa đến bốn mươi, nhưng có nghĩa lý gì đâu nhỉ? Đâu phải là dạng hoa khôi, không bao giờ.

Ông liền tập trung vào chuyên môn.

“Trước hết cô cần xe tải để chở đồ từ chỗ cô đang ở để đến nhà ga này. Và chúng ta nên xem tàu có qua ga nào gần chỗ cô muốn chuyển đến ở Saskatchewan không đã. Nếu không cô phải tìm cách nhận ở ga chính, chẳng hạn như là ga Regina.”

“Chỗ đó là Gdynia,” cô ta nói. “Tàu có chạy qua ga đó?”

Ông vói tay lấy cuốn danh bạ lấm lem treo trên một cây đinh, rồi bảo cô ta đánh vôn lại tên địa danh đó. Cô ta tự nhắc cây bút chì cứng treo ở một đầu dây và viết vào mảnh giấy lấy từ trong ví ra: GDYNIA.

“Từ này có gốc từ tiếng nước nào vậy?”

Cô ta đáp không biết.

Ông đòi lại cây bút chì và dò theo các tuyến.

“Rất nhiều địa danh ở đây theo tiếng Séc, hoặc Hungary hay Ukraina,” ông nói. Vừa nói ông vừa chợt nghĩ có thể cô là người gốc một trong những nước đó. Nhưng đâu có sao, ông chỉ nói một sự thật hiển nhiên thôi mà.

“Đây rồi, ồ thôi, đúng trên tuyến.”

“Vâng,” cô ta nói. “Tôi muốn chuyển vào thứ sáu - ông có thu xếp được không?”

“Chúng tôi chuyển đi được, nhưng tôi không hứa được ngày nào thì đến đây đâu,” ông nói. “Còn phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên nữa. Khi hàng của cô đến có người chờ nhận ở đâu kia không?”

“Có.”

“Thứ Sáu có chuyến vừa chở hàng vừa chở khách, lúc hai giờ mười tám phút chiều. Xe tải sẽ đến lấy đồ sáng thứ sáu. Cô có ở ngay thị trấn này không?”

Cô ta gật đầu, viết địa chỉ của mình xuống giấy. Số 106 đường Triền Lãm.

Các ngôi nhà trong thị trấn này chỉ vừa mới được đánh số cách đây không lâu, và ông không hình dung ra được nơi cô ta ở, mặc dù ông biết rõ đường Triền Lãm ở đâu. Nếu lúc đó mà cô ta nói là cái tên McCauley thì ông đã để ý hơn rồi, và mọi chuyện có thể xảy ra theo chiều hướng khác. Đường ấy có những ngôi nhà mới xây sau chiến tranh, dù vẫn được gọi là “các căn nhà thời chiến.” Ông đoán có lẽ cô ta ở một trong những căn nhà đó.

“Khi nào chuyển hàng cô mới phải trả tiền,” ông bảo cô ta.

“Tôi cũng muốn mua một vé hành khách cho mình trên cùng chuyến tàu đó. Chiều thứ Sáu.”

“Cũng tới ga đó.”

“Vâng.”

“Cô sẽ ngồi tàu đó đến Toronto, nhưng sau đó cô phải đợi tàu Xuyên Lục Địa, khởi hành lúc mười rưỡi đêm. Cô muốn vé nằm hay vé ngồi? Vé nằm thì có giường, vé ngồi thì chỉ có ghế, trong toa thường.”

Cô ta nói chọn vé ngồi.

“Đợi tàu đi Montreal ở Sudbury, nhưng đừng xuống ga ấy, họ sẽ dồn toa và móc và tàu Montreal. Rồi đến ga Cảng Arthur rồi Kenora. Nhưng cô đừng xuống ga nào, chờ đến tận Regina thì xuống để đón tàu tuyến nhanh.”

Cô ta gật đầu như muốn nhắc ông viết và xuất vé ngay cho mình.

Ông nói chậm rãi, “Nhưng tôi không hứa được là đồ đạc của cô sẽ tới cùng lúc với cô đâu, tôi nghĩ phải mất một hai ngày sau mới tới. Theo thứ tự ưu tiên mà. Có người đón cô ở ga không?”

“Có.”

“Vậy thì tốt. Vì ga xếp đồ chẳng giống nhà ga thường đâu. Thị trấn ở chỗ đó khác nơi này. Còn hoang sơ lắm?”

Cô ta trả luôn tiền vé tàu, rút từ cuộn tiền đựng trong một cái túi vải nhét trong ví. Phong cách của một bà già. Cô ta cũng đếm chỗ tiền trả lại nữa. Nhưng không phải như cách các bà già thường đếm tiền - cô ta cầm cả chỗ tiền trong tay rồi lướt mắt qua, nhưng nhìn là biết cô ta không sót một đồng xu nào. Rồi cô ta quay gót đi hơi bất nhã, không hề chào tạm biệt.

“Hẹn gặp cô thứ Sáu này,” ông gọi với theo.

Hôm nay là một ngày tháng Chín âm áp, thế mà cô ta lại mặc một cái áo choàng dài màu nâu xỉn, kèm thêm đôi giày buộc dây cục mịch với bít tất cộc đến mắt cá.

Ông đang rót cà phê từ bình ủ ra, thì thấy cô ta quay lại và đập cửa bán vé.

“Những món đồ tôi sắp gửi,” cô ta nói. “Đều là đồ tốt, gần như mới nguyên đấy. Tôi không muốn món nào bị xước xát hay trầy tróc bất kể kiểu gì đâu nhé. Tôi cũng không muốn đồ đạc lại có mùi gia súc.”

“Ồ, tưởng gì,” ông đáp. “Ngành đường sắt quá quen với nghề vận chuyển rồi. Và họ không dùng toa đang chở lợn để chứa đồ nội thất đâu.”

“Tôi lo làm sao đồ đạc đến được đầu kia vẫn nguyên vẹn như tình trạng khi gửi ở đầu này.”

“Vâng, cô nghe này, khi cô mua thì đồ đạc đang ở trong cửa hàng nội thất đúng không? Vậy cô chỉ nghĩ làm thế nào mà đồ đạc có mặt ở đó được? Người ta có sản xuất ra đồ nội thất tại cửa hàng không nào? Không hề. Chúng được làm ra ở xưởng mộc nào đó tận đầu đầu cơ, rồi mới được chuyển đến cửa hàng, chắc cũng bằng tàu hỏa. Nếu đúng vậy, thì đó chẳng phải là bằng chứng rằng ngành đường sắt biết cách bảo quản đồ nội thất sao?”

Cô ta vẫn găm ánh mắt vào ông, không kèm thêm một nụ cười hay cử chỉ nào công nhận mình đã có suy nghĩ góc nghếch kiểu đàn bà.

“Tôi mong vậy,” cô ta nói. “Tôi mong họ biết làm cho đúng.”

Người nhân viên trực ga đáng lẽ phải nói, mà không cần nghĩ, rằng mình biết tất cả mọi người trong thị trấn. Nghĩa là ông thực sự biết không một nửa số dân trong thị trấn. Và đa phần những người ông biết đều là dân kỳ cựu, những người thực sự là dân “thường trú” theo nghĩa không phải mới chân ướt chân ráo đến đây và đang nháp nhồm muốn rời đi. Ông không biết người phụ nữ sắp chuyển đến Saskatchewan vì cô ta không đi nhà thờ, hay dạy học ở trường lũ con ông, hoặc làm ở các cửa hiệu, nhà hàng hay văn phòng ông thường lui tới. Cô cũng không phải vợ một trong những người đàn ông mà ông biết trong các hội huynh đệ Elks hay Oddfellows, hoặc các câu lạc bộ Lions hay Legion. Một cái liếc mắt vào bàn tay trái lúc cô ta trả tiền đã cho ông biết - và ông cũng không lấy gì làm lạ - rằng cô ta chưa có chồng. Với kiểu giày như vậy, và tất cộc chứ không phải tất dài, rồi còn không mang găng, mũ gì vào buổi chiều, thì dễ cô ta làm nghề nông lắm. Nhưng cô ta lại không có kiểu áp úng thường thấy ở đám phụ nữ làm nông, vẻ thẹn thùng ấy. Cô ta cũng không có phong thái quê mùa - đúng ra, cô ta chẳng có phong thái gì hết. Cô ta đối xử với ông cứ như với một cái máy cung cấp thông tin. Hơn nữa, địa chỉ cô ta viết là ở ngay thị trấn - đường Triền Lãm. Đúng rồi, cô ta gọi cho ông hình ảnh của một nữ tu mặc quần áo thể tục ông từng thấy trên tivi, đang kê về công việc truyền giáo của bà ta ở đâu đó trong rừng - chắc là ở đó họ không mặc quần chùng áo dài dành cho nữ tu để dễ trèo đèo lội suối. Bà sơ này thỉnh thoảng lại cười để chứng tỏ rằng đạo tu của bà là để làm cho mọi người hạnh phúc, nhưng ngoài những lúc ấy ra thì bà nhìn xuống khán giả như thể mọi người sinh ra trên thế gian này là để bà dẫn dắt.

Một việc nữa mà Johanna định làm từ lâu nhưng vẫn chần chừ mãi chưa làm. Cô phải đến hiệu quần áo tên Milady để mua một bộ cánh mới cho mình. Cô chưa vào cửa hiệu đó bao giờ, vì khi cần mua thứ gì, như bút tất chẳng hạn, cô đâu tới Cửa hàng quần áo Nam Nữ Trẻ em Caliaghans. Cô có khối quần áo được thừa hưởng từ bà Willets, toàn đồ như chiếc áo choàng này, mặc không biết đến đời nào mới sờn. Và Sabitha - đứa bé gái mà cô phải trông nom ở nhà ông McCauley - thì mặc không xuể quần áo của bọn chị em họ thải ra, toàn những thứ đắt tiền.

Ngoài quầy kính trưng bày tiệm Milady có hai ma nơ canh mặc bộ vét với váy thật ngắn và áo vét ngắn vạt vuông. Một bộ màu vàng xỉn còn bộ kia màu xanh lá cây đậm và nền nã. Những chiếc lá phong to làm bằng giấy màu sặc sỡ rải khắp quanh chân các ma nơ canh và dính đầy đó trên kính quầy trưng bày. Vào mùa này trong năm, khi hầu hết mọi người phải lo vun lá lại đem đốt thì ở đây lá lại được chọn làm vật trang trí. Một dòng quảng cáo với kiểu chữ mềm mại màu đen dính chéo qua tấm kính, có nội dung: Đơn giản đến trang nhã, một mùa thu.

Cô đẩy cửa bước vào.

Ngay trước mắt cô là một tấm gương cao bằng đầu người, khiến cô nhìn thấy ngay toàn thân mình trong chiếc áo choàng dài của bà Willets, tuy là hàng cao cấp nhưng cứ đùn đùn chẳng ra phom dáng gì, dưới đó là bắp chân to mập hở ra khoảng nửa gang tay trên đôi tất ngắn chỉ che đến mắt cá.

Tất nhiên, họ làm việc ấy có chủ ý. Để tấm gương ở đó thì khách hàng mới thấy ngay những khiếm khuyết của mình, và rồi - chủ hàng hy vọng vậy - với kết luận rằng mình phải mua món gì đó để thay đổi hình ảnh. Một ngón nghề lộ liễu đến thế đáng lẽ có thể khiến cô quay ra ngay lập tức, nếu trước đó cô không hạ quyết tâm phải mua cho xong những thứ mình cần.

Đọc một bức tường là giá treo váy dạ hội, chiếc nào cũng xứng đáng dành cho các nàng hoa khôi dạ vũ, với những mảng ren và vải taffeta, với những gam màu mơ mộng. Tiếp đó, trong một chiếc tủ kính để ngăn những ngón tay tò mò là khoảng nửa chục váy cưới, cái bằng lụa màu trắng tinh khôi, cái bằng xa tanh màu kim nhật, cái bằng đăng ten màu ngà, chêm thêm hạt cườm bạc hay hạt ngọc trai xinh xinh. Phần eo bó sát, viền cổ lượn sóng, chân váy bung xòe. Khi còn trẻ cô cũng không bao giờ hình dung được sự hoang phí đến mức ấy, không chỉ riêng về tiền bạc mà còn cả về kỳ vọng, về niềm hy vọng vô lối vào khả năng biến hóa, vào niềm hạnh phúc.

Phải mất hai, ba phút mới có người ra. Hình như họ quan sát cô từ một khe ngắm bí mật, và nghĩ rằng cô không phải là loại khách họ chào đón, thậm mong cô sẽ đi ra.

Nhưng cô không đi. Cô lướt qua tấm gương - bước từ khoảng sàn thô gần cửa lên tấm thảm bông - và cuối cùng thì tấm rèm ở góc cuối cửa hàng cũng mở ra, để chính bà chủ Milady xuất hiện trong bộ vét màu đen với hàng khuy lấp lánh. Giày cao gót, cổ chân thon, thắt lưng bó, đôi tất giấy sột soạt, tóc vàng ánh kim chải ộp về phía sau khoe khuôn mặt được trang điểm kỹ.

“Tôi muốn thử bộ vét bày ngoài quầy kính.” Johanna nói với giọng điệu được chỉnh kỹ trước khi thốt ra. “Bộ màu xanh lục ấy.”

“A, mẫu ấy đẹp thật,” bà chủ nói. “Nhưng bộ ngoài tủ kính lại là cỡ số mười. Trông cô... chắc mặc số mười bốn?”

Bà ta sột soạt vượt qua Johanna vào phía trong cửa hàng, nơi treo quần áo thường nhật, vét và váy đi làm.

“May cho cô đấy nhé. Có số mười bốn đây.”

Việc đầu tiên Johanna làm là nhìn tem giá. Ít nhất gấp đôi con số cô dự định, và cô cũng không cố giấu ý nghĩ đó.

“Cũng đắt nhỉ.”

“Chất len mịn mà.” Bà ta lần mò cho đến khi moi được móc, rồi bóc thông tin về chất liệu nhưng Johanna nghe câu được câu mất vì đang mãi soi chất lượng đường may trên gấu.

“Sờ nhẹ như lụa nhưng mặc chắc như áo giáp. Cô trông lớp lớp kỹ chưa này, tuyền chất lụa pha sợi tổng hợp thích ghê. Bộ này giữ phom tốt lắm, không xộc xệch khi ngồi xuống như hàng rẻ tiền đâu. Xem viền cổ tay với cổ áo bằng nhung điểm thêm hàng khuy bọc nhung xinh xắn trên ống tay này.”

“Tôi thấy rồi.”

“Hàng kỹ đến thế cơ mà, đắt xắt ra miếng, tiền nào của đấy cả cô ạ. Tôi thích chất nhung này lắm. À chỉ có màu lục mới có cổ và gấu tay nhưng đây nhè - màu mận không có đâu, mà giá cũng y hệt.”

Thực ra Johanna cũng thấy chính những mảng nhung ở gấu tay và cổ áo đã tôn cho chiếc áo một vẻ sang trọng mà tinh tế khiến cô muốn mua. Nhưng cô không nói ra ý nghĩ đó.

“Tôi đi mặc thử nhé?”

Cô đã chuẩn bị cho việc này từ trước khi đến đây. Đồ lót mới và phấn rôm thoa dưới hai cánh tay.

Bà chủ cửa hàng giữ ý, để cô một mình trong buồng mặc thử quần áo ngập ánh sáng. Johanna cố tránh không nhìn vào tấm kính cảm dỗ cho đến khi vuốt thẳng thớ chiếc váy và cài đủ khuy áo.

Đầu tiên cô chỉ nhìn vào bộ vét. Trông cũng ổn. Khá vừa vặn - dù chân váy có ngắn hơn mức cô quen mặc, nhưng gu quần áo cô thường mặc không ra kiểu thời trang gì. Chẳng có gì phải băn khoăn với bộ vét cả. Vấn đề là ở những chỗ không được bộ vét che. Cổ và mặt, tóc và đôi bàn tay thô, bắp chân cục mịch.

“Cô mặc xong chưa? Để tôi ngó chút nhé?”

Cứ ngó nghiêng thoải mái đi, Johanna nghĩ thầm, rồi bà sẽ thấy ngay đôi tai lờ<sup>1</sup> của tôi.

Bà chủ cửa hàng ngắm nghía hết bên này đến bên kia.

“Đúng rồi, cô phải đi thêm tất dài và giày cao gót. Cô mặc thấy thế nào? Thoải mái không?”

“Bộ vét mặc thì ổn,” Johanna đáp. “Chả có vấn đề gì với bộ vét hết.”

Qua gương, cô thấy bà chủ đôi hần nét mặt. Bà tắt ngay nụ cười, lộ ra vẻ mặt thất vọng và mệt mỏi, nhưng tử tế hơn.

“Chuyện đôi khi vẫn xảy ra ấy mà. Trông thì đẹp nhưng mặc vào mới biết. Thực tế là,” bà ta nói, giọng điệu có vẻ thuyết phục trở lại nhưng ôn hòa hơn, “thực tế là dáng người cô cân đối, nhưng mạnh mẽ. Khung xương cô nở nang, nhưng thế thì đã làm sao? Cái kiểu khuy bọc nhưng lắt nhắt này không hợp với tạng cô. Đừng băn khoăn mẫu này nữa. Cứ cởi ra đi?”

Rồi khi Johanna vừa trút xong bộ vét chỉ còn đồ lót thì có tiếng gõ cửa rồi một bàn tay thò vào qua tấm rèm che.

“Cứ choàng thử cái này vào xem ra làm sao.”

Một cái váy len dài màu nâu, có gót, chân váy xòe xếp nếp mềm mại, ống tay lửng và cổ khoét tròn đơn giản. Đơn giản đến mức không thể đơn giản hơn, trừ dải thắt lưng nhỏ màu vàng. Không đắt như bộ vét, nhưng giá vẫn có vẻ cao quá, nếu xét tất cả các yếu tố từ chất liệu đến kiểu dáng.

Ít ra chân váy cũng dài vừa đủ, và chất vải ôm khéo quanh đôi chân cô. Nín thở để lấy quyết tâm xong cô mới nhìn vào gương.

Lần này trông cô không như bị nhồi vào bộ đồ trên người để làm một con rối.

Bà chủ cửa hàng đến đứng đằng sau cô, bật lên cười, nhưng với vẻ nhẹ cả người.

“Cùng màu với mắt cô đấy. Cô không cần mặc đồ nhung. Cô có đôi mắt nhung rồi.”

Đó là lời khen sến đến mức lúc bình thường thế nào Johanna cũng phải trả đũa lại bằng những lời mỉa mai, nhưng đúng vào thời điểm đó lại có vẻ chân thực. Mắt cô không lớn, và nếu buộc phải tả màu mắt, cô chắc sẽ nói, tôi nghĩ là màu nâu nâu.” Nhưng lúc này đây, cặp mắt cô trông thật sâu với sắc nâu trầm, mềm mại và lấp lánh.

Không phải cô chọn có ý nghĩ rằng mình xinh đẹp hay thế nào đó. Chỉ là đôi mắt cô, nếu là một mảnh vải thì hẳn sẽ có sắc màu thật đẹp.

“Rồi, tôi cá là cô không hay đi giày da,” bà ta nói. “Nhưng nếu cô mang tất dài và giày đế cao chút xíu thôi... Và tôi cá là cô không đeo trang sức, cũng có lý thôi, cô không cần thêm nữ trang gì ngoài cái dây lưng đó.”

Để bà ta khỏi phải nói thêm những lời chào hàng, Johanna nói, “Thôi, để tôi cởi ra cho bà gói giúp.” Cô thấy tiếc nuối phải rời xa cảm giác mềm mại từ

chiếc váy và dải trủy băng kín đáo màu vàng quanh eo. Chưa bao giờ trong đời cô có cảm giác vô lý như thế, rằng giá trị bản thân có thể được nâng lên bởi những thứ mình mang trên người.

“Tôi mong là nó sẽ được dùng vào một dịp quan trọng,” bà chủ nói vọng vào khi Johanna đang khoác vội lại quần áo, giờ trông thật thảm hại.

“Chắc tôi sẽ mặc trong lễ cưới của mình,” Johanna nói.

Rồi cô thấy ngạc nhiên vì mình đã nói ra kiểu đó. Cũng không phải là sai lầm lớn - bà ta chẳng biết cô là ai, và chắc cũng chẳng nói với những người quen biết cô. Nhưng dù sao cô cũng từng tự nhủ mình sẽ giữ kín chuyện này. Chắc là do cô thấy mình mang nợ con người này - sau khi đã cùng trải qua sự cố bộ vét màu xanh lục và cùng phát hiện ra chiếc váy nâu, dường như giữa họ đã hình thành một thứ tình cảm. Một điều thật vô lý. Công việc của bà ta là bán quần áo, và bà ta vừa thực hiện được một giao dịch thành công.

“Ôi trời!” bà ta thốt lên. “Ôi, thế thì thật tuyệt.”

Vâng, có lẽ vậy, Johanna thâm nghĩ, mà cũng có thể là không. Cái người cô sắp cưới chưa biết là loại người như thế nào. Có thể là một bác nông dân khổ cực muốn có thêm tay thêm chân giúp việc đồng áng, hay một cụ lụ khụ ốm o muốn tìm một người hộ lý. Bà chủ cửa hàng này không thể biết cô sắp chọn người đàn ông loại nào, mà đẳng nào thì cũng chả liên quan gì tới bà ta hết.

“Tôi chắc đó là cuộc hôn nhân vì tình yêu,” bà ta nói, cứ như là vừa đọc được những thắc mắc của cô vậy. “Thảo nào tôi thấy ánh mắt cô rục lên trong gương. Tôi đã gói cẩn thận bằng giấy mềm rồi, cô chỉ việc dỡ ra rồi treo bên mắc là nó tự suôn ra thôi. Nếu muốn thì cô có thể lấy bàn ủi là sơ qua, nhưng có lẽ không cần đâu.”

Rồi đến thủ tục trao nhận tiền. Cả hai bên đều vờ không nhìn vào tệp tiền, nhưng họ đều làm vậy.

“Cũng đáng đồng tiền,” bà chủ cửa hàng nói. “Ai cũng chỉ làm đám cưới có một lần. À, nhưng không hẳn luôn phải như vậy.”

“Đôi với tôi thì sẽ là như vậy đây,” Johanna nói. Mặt cô đỏ bừng lên vì, thực ra, hai người chưa từng nói đến đám cưới. Dù là trong bức thư gần đây nhất. Cô vừa tiết lộ cho bà chủ cửa hàng điều mình đang kỳ vọng, và có lẽ cần kiêng không nên làm thế để tránh nói trước bước không qua.

“Cô gặp người ấy ở đâu?” bà ta hỏi, vẫn với giọng điệu vui vẻ đầy quan tâm. “Lần hẹn hò đầu tiên ra sao?”

“Qua họ hàng giới thiệu,” Johanna nói thành thực. Cô không định nói gì thêm nhưng cứ tự thốt ra. “Hội chợ miền Tây. Ở London<sup>2</sup>.”



“Hội chợ miền Tây à?” bà ta nhắc lại. “Ồ London?” Cô tưởng như bà ta có thể nói tiếp “Trong buổi dạ vũ ở cung vua à?”

“Con gái anh ấy và bạn nó đi cùng chúng tôi,” Johanna nói, nghĩ bụng đúng ra thì anh và bé Sabitha cùng bé Edith đón cô, Johanna, đi cùng với họ.

“Rồi, giờ tôi có thể nói hôm nay mình cũng làm được việc có ích. Tôi vừa chuẩn bị váy cưới cho một cô dâu hạnh phúc. Thế là đã đủ lý do cho sự tồn tại của tôi trên cõi đời này rồi.” Bà chủ cửa hàng buộc một sợi dây băng mảnh dẻ màu hồng bên ngoài hộp đựng chiếc váy, thắt thành một chiếc nơ lớn quá mức cần thiết, kết thúc bằng một nút kéo rất gọn và khéo.

“Suốt cả ngày tôi cứ quanh quẩn với cửa hàng này,” bà ta nói. “Và đôi khi tôi thắc mắc không hiểu mình có biết mình đang làm cái gì đây không. Tôi tự vấn, Mi nghĩ mi đang làm gì ở đây thế hả? Tôi bày hàng mới ra quày kính, và tôi làm việc này việc kia để thu hút khách vào mua hàng, nhưng có những ngày - có nhiều ngày - tôi chẳng thấy ma nào bước quánh cửa kia. Tôi biết - người ta nghĩ quần áo ở đây quá đắt - nhưng toàn hàng tốt đấy chứ. Quần áo ở đây toàn hàng tốt. Muốn có chất lượng ra tầm ra món thì phải trả giá cao thôi.”

“Muốn mặc kiểu đồ như thế kia thì phải vào đây,” Johanna vừa nói vừa nhìn vào những chiếc váy dạ hội. “Không thì còn tìm ở đâu ra được chứ?”

“Chết ở chỗ ấy đấy. Họ chẳng vào đây. Họ lên thành phố - họ đi tìm ở đấy đấy. Họ lái xe hàng chục, hàng trăm cây số, không tính đến tiền xăng, và tự nhủ rằng đi xa thế thì họ tìm được món hời hơn đồ của tôi ở đây. Nhưng rốt cuộc có tìm được đâu. Chất lượng chẳng tốt hơn, mẫu mã chẳng đẹp hơn. Chẳng có gì. Chỉ để khỏi phải thấy xấu hổ khi nói là mua trang phục cưới ở ngay cái tỉnh lẻ này. Đôi khi họ vào thử đồ này đồ khác rồi nói sẽ suy nghĩ. Tôi sẽ quay lại sau, họ nói thế đấy. Tôi nghĩ bụng, dạ vâng, tôi biết tổng thế nghĩa là chế nào rồi. Thế nghĩa là họ sẽ cố tìm hàng như thế nhưng rẻ hơn ở mấy thành phố London hay Kitchener, và đến đó rồi thì dù không rẻ hơn họ vẫn phải mua, vì đã chạy xe ngàn ấy đường rồi, và đi xem đến phát mệt rồi.”

“Tôi cũng không biết nữa,” bà ta nói tiếp. “Nếu tôi là người gốc ở đây thì có khi chuyện lại khác. Tôi thấy ở đây thủ cựu lắm. Cô không phải người đây phải không?”

“Không,” Johanna đáp.

“Cô không thấy ở đây thủ cựu à?”

Thủ... cựu?

“Ý tôi là khó dung nạp người ngoài ấy.”

“Tôi quen sống một mình một kiêu rồi,” Johanna nói.

“Nhưng cô đã tìm được một người rồi. Cô sẽ không sống một mình một kiêu nữa, như thế đáng yêu quá đi chứ? Đôi lúc tôi nghĩ cưới chồng rồi ở nhà chăm sóc gia đình hẳn là rất tuyệt. Tất nhiên, tôi đã từng có chồng, nhưng vẫn đi làm. Thế đấy. Rồi biết đâu một ngày sẽ có một người đàn ông từ cung trăng bước và đây, rồi mẹ tôi, thói đời tôi sẽ ôn!”

Johanna đang vội - nhu cầu trò chuyện của bà chủ cửa hàng đã giữ chân cô. Cô phải vội về nhà, cất gói đồ mới mua trước khi Sabitha đi học về.

Rồi cô nhớ ra Sabitha không ở đây, cuối tuần rồi con bé đã được người em họ của mẹ, dì Roxanne, đón đi để trải nghiệm cuộc sống như một nữ sinh giàu có ở Toronto, đi học trường dành cho các nữ sinh giàu có. Nhưng cô vẫn bước gấp gấp đến nỗi mấy chú lỏi ranh đang vờ bên hiệu thuốc có cố giật giọng trêu cô, “Em ơi cháy ở đâu đấy?” khiến cô phải đi chậm lại để tránh gây chú ý.

Cái hộp đựng váy thật phôi - cô đâu có biết được cửa hàng ấy lại thừa riêng loại hộp các tông màu hồng, với tín hiệu Milady vắt ngang màu tím trông như như chữ viết tay để đựng đồ. Lộ liễu quá.

Cô thấy mình thật ngốc vì đã nói đến đám cưới, trong khi anh chưa hề đã động tới việc ấy, và đáng ra cô phải nhớ điều đó. Hai người đã nói, đúng hơn là viết cho nhau, quá nhiều điều khác, bày tỏ tình cảm và nói nhớ nhưng, khiến việc cưới xin cụ thể dường như đã bị bỏ qua. Kiểu như người ta nói buổi sáng sẽ dậy như thế nào mà không nhắc đến ăn sáng, dù chắc chắn là có định ăn sáng.

Nhưng lẽ ra cô vẫn nên giữ kín việc này.

Cô trông thấy ông McCauley đi bộ ngược hướng với mình ở phía lề đường bên kia. Nhưng không có gì đáng lo - cho dù có giáp mặt cô thì ông cũng chẳng ác ý đến cái hộp cô đang cầm. Chắc ông sẽ lấy ngón tay nâng mũ rồi đi tiếp, có thể nhận ra cô là người giúp việc nhà mình, cũng có thể không. Ông có quá nhiều thứ khác trong đầu, và ai hiểu ông cũng biết, có lẽ cái thị trấn hiện lên trong mắt ông khác với thị trấn mà họ đang thấy. Tất cả các ngày trong tuần - và đôi khi, những lúc ông đăng trí, vào cả những ngày nghỉ và Chủ nhật - ông đóng nguyên bộ com lê đủ cả gi lê, một trong số vài bộ ông có, với áo choàng nhẹ hoặc đó khoác dày, mũ phớt xám, giày da bóng lộn, tản bộ từ đường Triển Lãm lên văn phòng được ông mở từ thời dưới nhà còn là cửa hàng bán va li, túi xách. Mọi người gọi đó là Văn phòng bảo hiểm, dù đã lâu rồi ông không còn bán bảo hiểm nữa. Đôi khi cũng có người leo lên cầu thang gặp ông, hình như để hỏi về hợp đồng bảo hiểm của họ nhưng đa phần và về ranh giới các lô đất, về lịch sử của các mảnh bất động sản trong thị trấn hay trang trại ngoài đồng quê. Văn phòng ông đầy các bản đồ cũ có mới có, và không gì làm ông thích thú hơn việc mở bản đồ ra tra cứu và khơi mào một cuộc thảo luận sẽ lan man ra ngoài câu

hỏi ban đầu rất xa. Ba hay bốn lần trong ngày, ông rời văn phòng và đi dạo phố, như lúc này. Trong thời chiến, ông đã cất chiếc xe hơi hiệu McLaughlin-Buick lên gác trong nhà kho, và đi đâu cũng đi bộ như muốn làm gương cho người khác. Mười lăm năm sau, dường như ông vẫn xứng đáng là tấm gương ấy. Tay chắp sau lưng, trông ông như một người địa chủ tốt bụng đi khám điện thổ, hay một nhà thuyết giáo đang triu mến nhìn bầy con chiên của mình. Tất nhiên, đến một nửa số người ông gặp chẳng hề biết ông là ai.

Thị trấn đã thay đổi nhiều, kể cả so với thời điểm Johanna tới đây. Hoạt động kinh doanh đang chuyển ra ngoài gần đường cao tốc, ở đó đã mọc lên một cửa hạ giảm giá, một cửa hàng lớp ô tô và một nhà khách với quầy rượu có vũ nữ ngực trần. Vài cửa hàng ở trung tâm thị trấn từng cổ tô điểm lại với màu sơn hồng hay tím hoa cà hay xanh ô liu, nhưng nước sơn đã bắt đầu tróc, lộ ra nền gạch cũ và một số cửa hàng thì bên trong đã trống trơn. Chẳng mấy mà cửa hàng quần áo của bà Milady cũng sa sút vậy.

Nếu Johanna mà là bà chủ cửa hàng thì cô sẽ làm gì? Đầu tiên là cô sẽ không nhập vào nhiều váy dạ hội diêm dúa đến thế. Thế thì thay bằng gì? Nếu chuyển sang hàng quần áo rẻ tiền hơn thì chỉ tự đưa mình vào thế cạnh tranh trực tiếp với tiệm Callaghans và cửa hàng giảm giá, và chắc sẽ không giành được đủ thị phần trong phân khúc này. Hay là đi vào thị trường quần áo trẻ sơ sinh, quần áo trẻ em cao cấp để thu hút các bà nội bà ngoại, bà dì bà bác có tiền và sẽ không ngại chi tiêu vào những thứ đó? Đành là phải quên các bà mẹ trẻ đi, vì với túi tiền eo hẹp hơn và đầu óc thực dụng hơn, họ chắc sẽ đến cửa hàng Callaghans.

Nhưng nếu là chủ cửa hàng, cô - Johanna - sẽ không bao giờ thu hút được một người khách này bước vào tiệm. Cô có thể xét đoán xem cần làm những việc gì, và làm như thế nào, và cô cũng có thể tổ chức và quán xuyến người khác làm những việc ấy, nhưng cô không bao giờ quyến rũ hay chèo kéo được. Phong cách của cô là, mua thì mua không mua thì đi. Đương nhiên là khách sẽ đi.

Người mến được cô thì hiếm lắm, và từ lâu cô đã biết điều đó. Đến bé Sabitha cũng không hề nhỏ một giọt nước mắt khi chia tay cô - dù đối với Sabitha, cô Johanna gần như là người thay thế mẹ, kể từ khi mẹ bé mất. Ông McCauley chắc sẽ buồn phiền khi cô đi, vì cô làm việc tốt và thật khó kiếm được người thay thế cô, nhưng chỉ thế mà thôi. Cả ông lẫn cô cháu ngoại đều chỉ biết nghĩ đến bản thân vì quen được nuông chiều. Còn những người hàng xóm, đương nhiên là họ sẽ vui mừng. Johanna đã có hiềm khích với cả hai bên láng giềng. Một bên thì có con chó cứ sang đào bới vườn của cô để giấu và tìm những khúc xương được chủ cho - mà đáng lẽ nó phải đào ở hành chứ. Và bên kia thì vì cây anh đào đen, gốc thì ở trên đất nhà McCauley nhưng quả thì lại chỉ sai ở các cành vươn sang phía sân nhà bên cạnh. Trong cả hai vụ thì cô đều lên tiếng trước, và giành phần thắng. Con chó bị xích lại còn người hàng xóm bên

kia thì không dám đụng đến những quả anh đào nữa. Nếu bắc thang thì cô có thể với sang phía bên sân nhà họ hái quả, nhưng họ lại không buồn đuổi lũ chim đến ăn trên các cành ấy nữa, khiến lượng quả thu hoạch được giảm đáng kể.

Nếu để mặc ông McCauley thì ông đã kê cho họ hái. Mà ông cũng kê cho con chó đào. Ông cứ để kê cho người ta lợi dụng mình. Một phần nguyên nhân là ông muốn thể hiện rằng mình không buồn để ý đến họ, là những người mới đến, sống trong những căn nhà mới xây. Đã có thời trên cả đường Triển Lãm chỉ có ba bốn căn nhà lớn thôi. Bên kia đường là bãi hội chợ, nơi tổ chức hội chợ mùa thu (tên gọi chính thức là Triển lãm Nông nghiệp, nên nhờ đó mới có tên thế). Và giữa các căn nhà đó là vườn quả, bãi cỏ. Không một thập niên trước, hay quãng đó, đất này được phân thành lô đều nhau để bán và các ngôi nhà mới mọc lên - những ngôi nhà nhỏ với hai kiểu kiến trúc đan xen, một kiểu có vài tầng còn kiểu kia chỉ có một tầng. Nhiều ngôi nhà xây từ dạo đó giờ đây trông đã khá xập xệ.

Ông McCauley chỉ quen biết và thân thiện với chủ nhân của vài ngôi nhà cùng phố - ông thầy giáo, cô Hood và bà mẹ, nhà Shultz có cửa hàng sửa giày. Con gái nhà Shultz, bé Edith, đang hoặc đã từng là bạn thân của Sabitha. Điều đó cũng tự nhiên thôi, vì hai đứa ở gần nhà mà lại học cùng lớp cùng trường - ít nhất là vào năm học trước, khi Sabitha bị đúp. Ông McCauley không hề buồn phiền - hình như ông đã manh nha cảm thấy rồi Sabitha sẽ rời khỏi đây sớm để có một cuộc sống khác ở Toronto. Johanna chắc sẽ không chọn Edith để làm bạn với Sabitha, dù cô bé không bao giờ mất lịch sự hay gây phiền hà khi tới nhà chơi. Và cô bé không hề ngốc nghếch. Có lẽ đó chính là vấn đề - cô bé thông minh còn Sabitha thì không. Cô bé đã làm cho Sabitha trở nên tinh quái hơn.

Nhưng giờ thì mọi chuyện đã kết thúc. Giờ đây người em họ của mẹ con bé, dì Roxanne - vợ ông Huber - đã tới đón Sabitha, và cô bạn nhà Shultz đã trở thành một ký ức tuổi thơ của nó.

*Em sắp chuyển hết đồ nội thất của anh bằng tàu hỏa tới cho anh ngay khi bên họ sẽ xếp được chuyến sớm nhất. Em sẽ trả trước tiền cước vận chuyển ngay khi họ báo giá. Em vẫn nghĩ bây giờ anh đang cần những đồ đạc đó. Em chắc anh sẽ không ngạc nhiên lắm vì em đoán anh sẽ không phiền lòng về việc em cũng tới trên cùng chuyến tàu để giúp được anh như em mong muốn.*

Đó là nội dung lá thư cô đã mang gửi ở bưu điện, trước khi đến đặt chuyến ở nhà ga xe lửa. Đây là lá thư đầu tiên cô gửi trực tiếp cho người ấy. Các lá thư trước đó luôn được kẹp cùng những lá thư cô bảo bé Sabitha viết. Và thư từ anh gửi cho cô cũng bằng cách đó, được gấp cẩn thận và có tên cô, Johanna, đánh máy ở mặt sau để khỏi bị nhầm. Cách đó vừa khiến những nhân viên bưu điện không thể phát hiện ra mối liên hệ, vừa tiết kiệm thêm được một con tem. Tất

nhiên, Sabitha cũng có thể báo cho ông nó, hay thậm chí đọc được nội dung những tờ thư viết cho Johanna, nhưng Sabitha không còn hứng thú chuyện trò với ông già cũng như chẳng có hứng viết hay nhận thư.

Đồ nội thất được cất vào nhà kho, một cái kho kiểu thành phố chứ không phải kho trang trại nơi trữ thóc và làm chỗ ngủ cho gia súc. Khi Johanna để mắt đến những đồ đạc đó quăng một năm về trước, cô thấy chúng đã phủ một lớp bụi mờ và rải rác phân chim bồ câu. Những món đồ bị xếp đống tùy tiện và không được che phủ gì cả. Cô đã phải mang hết những thứ có thể tự bê được ra ngoài sân, để trong kho đủ khoảng không tiếp cận những đồ to nặng cô không bê được - cái ghế xô pha, tủ búp phê, tủ ly, bàn ăn. Cái giường thì cô dỡ ra được. Những phần gỗ cô lấy phát trần mềm phủ trước, rồi dùng tinh dầu chanh. Khi cô làm xong, nước gỗ bóng lên như kẹo. Kẹo mật phong - quả đúng là gỗ phong vân mắt chim. Giờ đây cô thấy đống đồ nội thất nhìn thật hấp dẫn, ngang với ga giường lụa hay mái tóc vàng. Hấp dẫn và hiện đại, tương phản hoàn toàn với những đồ gỗ sẫm màu và chạm trổ rối rắm cô thường phải lau chùi trên nhà chính. Lúc đó cô nghĩ chúng là đồ đạc của anh ấy và vẫn tin như vậy khi cô lấy chúng ra vào ngày thứ Tư. Cô đã phủ thảm cũ lên lớp dưới cùng để khỏi bị lớp trên dè vào, và trái mấy mảnh ga giường lên trên bề mặt lớp cao nhất để tránh lũ chim nên khi lấy ra chỉ có một lớp bụi thưa. Nhưng cô lại quét tước và đánh dầu chanh toàn bộ trước khi xếp lại nguyên như thế, chờ xe tải đến chở đi vào ngày thứ Sáu.

Thưa ông McCauley,

Tôi sẽ đi trên chuyến tàu chiều nay (thứ Sáu). Tôi biết mình đã không báo tin này trước cho ông, nhưng bù lại tôi sẽ không nhận kỳ lương cuối cùng, tức là tổng cộng ba tuần tính đến thứ Hai tuần tới. Có món bò hầm trong nồi cách thủy trên bếp, chỉ cần đun lại. Đủ cho ông dùng ba, nếu ăn dè thì có thể thành bốn bữa. Sau khi hâm đủ nóng và lấy đủ ăn, cần đập vung lại và cất vào tủ lạnh. Nhớ là phải đập ngay vung lại kéo thức ăn có thể bị ôi. Thân chào ông và bé Sabitha, chắc tôi sẽ liên lạc lại sau khi ổn định. Johanna Parry.

T.B: Tôi đã gửi đồ nội thất đến cho ông Boudreau vì có thể ông ấy cần chúng. Ông nhớ kiểm tra cho đủ nước ở đáy nồi cách thủy trước khi đun.

Ông McCauley chẳng khó khăn gì cũng xác định được Johanna đã mua vé đến Gdynia, tỉnh Saskatchewan. Ông gọi điện cho người trực ga để hỏi. Ông không biết cách tả nhận dạng của Johanna - cô trông già hay trẻ, gầy hay đậm người, mặc đồ màu gì? - nhưng khi ông nhắc đến đồ nội thất thì những thông tin đó không còn cần thiết nữa.

Khi ông McCauley gọi điện đến nhà ga, có vài người đang đợi chuyến tàu tới. Thoạt tiên người trực ga cố ghìm giọng nói nhỏ, nhưng khi nghe thấy rằng đó là đồ ăn cấp, ông chợt trở nên bị kích động (thực ra ông McCauley nói chính

xác là “và tôi tin cô ta có mang theo vài món đồ nội thất”). Ông thề rằng giá mình biết được cô ta là ai và định làm gì thì ông đã không để cô bước chân lên tàu. Mọi người xung quanh đều nghe rõ, nhắc lại và tin chắc vào lời tuyên bố này, không ai thắc mắc rằng người trực ga sẽ làm cách nào để chặn một phụ nữ đã trưởng thành, mua vé đầy đủ, trừ phi ông ta có ngay bằng chứng rằng cô ta ăn trộm. Hầu hết những người nhắc lại lời tuyên bố đó của ông ta đều tin là ông có khả năng và quyết tâm chặn cô ta lại - họ tin vào quyền hành của người trực nhà ga và nhân cách của ông lão khả kính luôn đi lại đĩnh đạc trong bộ com lê nguyên bộ, đủ cả gi lê như ông McCauley.

Món bò hầm quả là tuyệt, xứng với trình độ nấu ăn bấy lâu của Johanna, nhưng ông McCauley vẫn thấy nuốt không nổi. Ông bỏ mặc lời dặn về việc đập nắp, và cứ để nồi mở toang trên bếp, thậm chí không buồn tắt bếp đi cho đến khi nước ở đáy nồi đun cách thủy bị cạn hết và ông chợt phát hiện ra mùi khét của kim loại cháy.

Đó là mùi của sự phản bội.

Ông tự nhủ vẫn còn may là ít nhất bé Sabitha cũng đã được thu xếp ổn thỏa, và ông không phải lo gì cho bé cả. Cô cháu gái - đúng ra là cháu họ của vợ ông, tên là Roxanne - đã viết thư kể cho ông những nhận xét của cô ta về Sabitha trong lần đi tham quan hồ Simcoe vào mùa hè rằng cô bé cần phải được uốn nắn.

*“Nói thật là cháu nghĩ bác và cái cô làm thuê sẽ không thể làm chủ được tình hình khi bọn con trai bu đến xung quanh con bé.”*

Cô không dám hỏi thẳng là ông có muốn con bé rồi cũng sẽ như Marcelle mẹ nó không, nhưng rõ ràng là có ý đấy. Cô nói sẽ đưa Sabitha đi học trường thật tốt để ít nhất con bé cũng học được cách cư xử lễ phép.

Ông bật ti vi để khỏi nghĩ về việc đó, nhưng chẳng tác dụng gì.

Chính đồng đồ nội thất làm ông sôi máu. Chính là Ken Boudreau.

Chuyện là cách đây ba ngày - và chính cái ngày Johanna mua vé tàu, theo như lời người trực ga vừa kể với ông - ông McCauley có nhận được một lá thư của Ken Boudreau yêu cầu ông (a) ứng một chút tiền vì đồng đồ nội thất thuộc sở hữu của gã (Ken Boudreau) và người vợ quá cố, Marcelle, đang nằm trong nhà kho nhà ông McCauley, hoặc (b) nếu ông không đồng ý làm như trên thì bán đồng đồ đạc ấy được càng nhiều tiền càng tốt, và gửi số tiền đó càng nhanh càng tốt đến Saskatchewan. Chẳng dă động gì đến những khoản trước đây ông con rể đã vay của bố vợ, lần nào cũng lấy cớ vì giá trị của đồng đồ nội thất này và đem cộng lại thì đã vượt xa số tiền có thể thu được nếu bán đồng đồ đó đi ở bất kỳ thời điểm nào. Ken Boudreau đã quên tất cả những khoản đó rồi chẳng?

Hay là gã chỉ hy vọng - khả năng này có vẻ cao hơn - rằng ông bố vợ gã đã quên rồi?

Hình như giờ đây gã đã sở hữu một khách sạn. Nhưng lá thư của gã chứa đầy những lời rửa xả lão chủ trước, người đã lừa gã về nhiều điểm trong giao dịch này.

“Nếu con vượt qua được trở ngại này,” gã viết, “thì con tin rằng con vẫn có thể thành công.” Nhưng trở ngại này là gì? Là nhu cầu phải có tiền ngay, dù gã chẳng nói rõ là tiền để trả nợ lão chủ trước, hay ngân hàng, hay một quỹ nhận thế chấp tư nhân, hay cái quái gì. Vẫn là câu chuyện cũ rích - với một giọng điệu van vỉ, cầu xin pha lẫn một chút ăn vạ, kiêu như đòi bù đắp những thiệt thòi, bởi những tổn thương, những nỗi nhục nhằn gã đã phải chịu, liên quan đến chuyện Marcelle.

Dù đầy nghi ngại, nhưng nhớ ra Ken Boudreau rớt cuộc cũng là con rể mình, từng chiến đấu trong cuộc nội chiến, vả lại đã phải trải qua cuộc hôn nhân với những nỗi khổ mà chỉ có trời mới biết được, ông McCauley cũng ngồi xuống và viết thư hỏi âm, nói rằng ông không biết bán những món đồ đó đi bao nhiêu là được giá, và ông không biết hỏi ai, và ông gửi kèm đây một tờ chi phiếu, coi như là tiền của ông cho gã vay riêng. Ông mong chàng rể sẽ ghi nhận đúng tính chất việc làm của mình, và nhớ tổng số tiền ông đã từng cho vay kiêu như thế này - mà ông tin rằng tính gộp đến nay đã vượt quá các loại giá trị của đồng đô nội thất. Ông gửi kèm thư một danh sách liệt kê ngày tháng từng lần gửi và số tiền. Ngoài năm chục đô được trả cách đây đã gần hai năm (với lời hứa sẽ gửi thêm theo định kỳ), ông chẳng nhận được cái gì hết. Ông con rể hẳn phải biết rằng những khoản cho vay chẳng thu được cả vốn lẫn lời đó đã khiến thu nhập của ông McCauley suy giảm nhiều, vì lẽ ra ông có thể đem số tiền đó đầu tư.

Ông định thêm rằng, “Tôi chẳng ngốc như anh nghĩ đâu,” nhưng lại quyết định thôi, vì như thế là làm lộ sự bức tức và có lẽ cả sự yếu đuối.

Và giờ thì thế đấy. Gã con rể lại còn ăn non và dụ dỗ Johanna tham gia vào mưu mô của gã - gã luôn lấy lòng được đàn bà - và chiếm đoạt được cả đồng đô nội thất lẫn tiền của ông. Cô ta đã phải bỏ tiền túi ra trả tiền vận chuyển, người trực ga nói vậy. Máy thứ đồ gỗ phong trông bóng bẩy kiêu tân thời ấy đã được danh giá quá cao trong các giao dịch trước, và hai đứa sẽ không thu được mấy tiền đâu, nhất là nếu tính cả khoản cước phí đường sắt đã trả. Nếu chúng thông minh hơn thì lẽ ra chỉ cần lấy món gì đó từ trên nhà chính, một cái tủ cổ hay cái trường kỷ phòng khách ngồi đến là khó chịu vì được làm ra và mua vé từ thế kỷ trước. Tất nhiên, nếu chúng làm như thế thì đã thành hành vi ăn cắp rồi. Nhưng làm thế này thì cũng chẳng khác mấy.

Ông đi ngủ với quyết tâm sẽ đưa họ ra pháp luật.

Ông thức dậy trong căn nhà trống vắng, không có mùi cà phê đang pha hay mùi bữa sáng đang nấu trong bếp, đã thế lại còn phảng phất mùi nồi cháy trong không khí. Hơi thu lạnh lẽo đã ngự trị trong tất cả các căn phòng trần cao, trống trải. Đêm qua và nhiều đêm trước căn nhà rất ấm cúng - thì ra lò sưởi chưa bật, và khi ông McCauley đi bật lò sưởi lên thì làn hơi ấm đầu tiên kéo theo mùi căn hầm ẩm ướt, mùi mốc, mùi bụi và mục rữa. Ông tắm rửa và mặc quần áo rất chậm rãi, đôi lúc lại lơ đãng ngừng lại, rồi lấy một mẩu bánh mì ra phết bơ lạc làm bữa sáng. Ông thuộc về một thế hệ có những trang nam nhi mà người ta bảo là đến cả đụn nước sôi cũng không biết, và ông là một trong số đó. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ mặt tiền và thấy hàng cây bên kia đường đua chìm trong làn sương mù buổi sớm, đáng ra vào giờ này đã phải tan rồi mà trông vẫn như đang dày thêm, lan tỏa khắp trường đua. Ông còn tưởng như nhìn thấy tòa nhà Triển lãm cũ trong làn sương mù - với những gian nhà thô kệch, rộng huếch hoác như những kho cỏ không lồ. Chúng đã tồn tại ở đó nhiều năm mà không được sử dụng - qua suốt cuộc chiến - và ông chẳng nhớ cuối cùng điều gì đã xảy ra với chúng: bị phá hay tự sụp? Ông hận những cuộc đua ngựa giờ đây đang diễn ra ở đó, hận đám đông với cái loa và bọn uống rượu trái phép, hận những tiếng la hét sập trời vào những ngày Chủ nhật suốt mùa hè. Nhớ đến cảnh đó và ông lại nghĩ đến cô con gái tội nghiệp Marcelle, nhớ cô thường ngồi trên bậc thềm gọi lũ bạn học, giờ đã trưởng thành, vừa mới xuống xe bãi đỗ ô tô vào trường đua. Cô cứ tíu tít cả lên, thể hiện niềm vui mừng khi được về quê, ôm ấp rồi giữ chân người ta, nói liến thoắng luôn miệng về những ngày thơ ấu và nỗi nhớ mọi người. Rồi cô nói rằng điều duy nhất không hoàn hảo trong cuộc sống và nỗi nhớ chồng, anh Ken, đang phải bơ vơ ở miền Tây vì công việc.

Cô ra ngoài đó trong bộ đồ ngủ bằng lụa, với mái tóc nhuộm màu vàng kim bù xù không chải. Tay chân cô gầy guộc, nhưng khuôn mặt có vẻ hơi phù, và nước da mà cô bảo là rám nắng hình như là sắc nâu xin do bệnh tật chứ không phải do bắt nắng. Có thể là triệu chứng vàng da.

Con bé con thì ở trong nhà xem ti vi - chương trình hoạt hình Chủ nhật dành cho lứa tuổi nhỏ hơn nó nhiều.

Ông không thể nói, đúng ra không thể biết chắc có cái gì đó trục trặc hay không. Marcelle đi London để làm chuyện gì đó của phụ nữ, rồi tử vong ở bệnh viện. Khi ông gọi điện cho chồng cô, Ken Boudreau hỏi, “Cô ấy uống thuốc gì vậy?”

Nếu mẹ Marcelle còn sống, liệu mọi chuyện có khác đi không? Sự thật là bà ấy, khi còn sống, cũng hoang mang chẳng kém gì ông. Bà từng ngồi khóc trong bếp trong khi cô con gái, lúc ấy đang ở tuổi dậy thì, bị khóa trái trong buồng riêng, đã trèo qua cửa sổ, trượt xuống mái hiên và được một lũ con trai đánh xe đến đón.



Ngôi nhà này phủ đầy cảm giác bị ruồng bỏ nhẩn tâm, cảm giác bị phản bội. Ông và vợ ông hiển nhiên đã là ông bố bà mẹ tốt, nhưng bị dồn đến chân tường vì cô con gái Marcelle. Khi cô trốn nhà đi với một phi công, họ đã từng hy vọng rằng mọi việc của cô cuối cùng cũng sẽ ổn. Họ đã rộng lượng với hai đứa, như với một cặp vợ chồng trẻ đang hoang. Nhưng rồi cũng chẳng đâu vào đâu. Ông cũng từng rộng lượng như vậy với cô giúp việc Johanna Parry, và xem cô ta đã tráo trở với ông như thế này đây.

Ông quyết định đi bộ vào trung tâm tới khách sạn để ăn điếm tâm. Cô phục vụ bàn niềm nở, “Hôm nay ông đến sớm thế!”

Và trong lúc cô ta còn đang rót cà phê vào tách cho ông, ông đã bắt đầu kể về cô giúp việc bỏ đi vô cớ mà không báo trước, lại còn khuân theo một đồng đồ nội thất thuộc sở hữu của con gái ông, giờ đây có vẻ thuộc quyền thừa kế của con rể nhưng không hẳn như vậy, vì chúng được mua bằng tiền mừng cưới của con gái ông. Ông kể về chuyện con gái ông đã lấy phải một gã phi công bảnh bao, có vẻ ngay thẳng như thế nào, rồi hóa ra lại là kẻ bội tín ra sao.

“Xin lỗi ông,” cô chạy bàn nói. “Tôi rất thích chuyện trò, nhưng có nhiều người đang chờ tôi mang đồ ăn sáng quá. Ông thông cảm.”

Ông leo cầu thang lên văn phòng, và ở đó, trải sẵn trên bàn là những tấm bản đồ cũ, vì hôm qua ông đang tra tìm vị trí chính xác của nghĩa địa đầu tiên trong hạt này (rồi bị bỏ hoang, ông tin như vậy, vào năm 1839). Ông bật đèn lên và ngồi xuống, nhưng nhận ra rằng mình không thể tập trung được. Sau lời trách cứ của cô chạy bàn - hay những lời ông cho là trách cứ - ông không thể nuốt trôi được bữa điếm tâm hay thường thức được ly cà phê nữa. Ông quyết định phải đi dạo để lấy lại bình tĩnh.

Nhưng thay vì đi tản bộ theo lối quen thuộc, chào hỏi qua loa những người quen mặt như thường lệ, ông lại tự nhiên không tìm được tâm sự. Khi mọi người vừa hỏi ông câu xã giao sáng nay thế nào, ông lập tức để xỏ ra nổi tức giận, một điều cực kỳ bất thường, thậm chí đáng xấu hổ, với tính cách của ông. Và cũng y như phản ứng của cô chạy bàn, những người này cáo bận và ừ ào rồi lảng lảng và xin lỗi phải đi. Sáng nay trời có vẻ lạnh lâu hơn và sương tan chậm hơn những buổi sáng mùa thu bình thường, và áo vét ông mặc có vẻ không đủ ấm, nên ông ghé vào các cửa hàng cho bớt lạnh.

Những người quen biết ông lâu nhất lại là những người bị sốc nhất. Ông chưa bao giờ thể hiện điều gì ngoài sự trầm tĩnh một quý ông lịch duyệt, đầu óc chỉ nghĩ về quá khứ, tính nhã nhặn như thể hiện sự ăn năn về đặc quyền mình được hưởng (mà thực ra là một điều nực cười, vì những đặc quyền đó chủ yếu do ông tự hời hợt và người khác không cảm nhận được). Ai chứ ông McCauley phải là người cuối cùng trên đời đi kể lể oan trái và cầu xin sự cảm

thông - khi vợ chết ông không thể, thậm chí khi con gái chết ông cũng không thể - vậy mà giờ đây ông đang làm vậy, vừa kể vừa chia ra mấy lá thư và hỏi người đối diện xem gã nợ moi tiền ông hết lần này đến lần khác như vậy có đáng nhục không, giờ lại còn đồng lõa với cô giúp việc nhà ông lấy trộm đồ đồ nội thất sau khi đã lợi dụng lòng thương của ông thêm một lần nữa. Vài người còn nghĩ là ông bị mất đồ đang dùng trong nhà - họ tưởng ông già không còn giường ngủ hay bàn ghế trong nhà. Họ khuyên ông nên đi báo cảnh sát.

“Chẳng ăn chua đâu, chẳng ăn thua đâu,” ông nói. “Làm sao mà lỗ mặt sắt ấy động lòng được?”

Ông vào hiệu Sửa Giày và chào bác Herman Shultz.

“Bác có nhớ đôi bốt bác làm để lại cho tôi không, đôi tôi mua từ Anh ấy? Bác làm lại để cách đây khoảng bốn, năm năm.”

Cửa hiệu này như một cái hang vậy, với những cái đèn có chao treo rủ xuống các bàn làm việc. Không gian bí bách kinh khủng, nhưng ông McCauley lại thấy thứ mùi nam tính ở đây thật dễ chịu - mùi keo dán, mùi da, mùi xi và đồng để dạ mới cắt cùng những cái đế cũ đã mục. Đây là bác hàng xóm Herman Shultz, một người thợ thủ công đeo kính, da vàng vọt, vai lệch, tay nghề thành thạo, bận rộn quanh năm - luôn tay đóng đóng, tán tán những cây đinh sắt, hay cắt những miếng da theo hình đã định bằng một con dao mũi cong kỳ dị. Để giày thì cắt bằng một dụng cụ trông giống một cái cưa cầm tay lưỡi tròn nhỏ xinh. Dụng cụ đánh bóng da phát ra tiếng rì rì, đĩa mài gắn giấy ráp thì phát ra tiếng xoèn xoẹt, đĩa cắt có đá mài tạo ra âm thanh chói tai như tiếng côn trùng máy, còn chiếc máy khâu thì lướt trên miếng da theo một nhịp điệu mẫn cán rất công nghiệp. Tất cả những âm thanh mùi vị này cũng như những công việc tỉ mỉ trong tiệm sửa giày đã quá quen thuộc với ông McCauley hàng thập kỷ nay rồi, song ông chưa từng ghi nhận hay suy nghĩ về chúng. Lúc này đây khi bác Herman, trong chiếc tạp dề da đen thui, tay vẫn đang cầm một chiếc bốt, đứng lên, mỉm cười và gật đầu, ông McCauley mới nhìn thấu cả cuộc đời bác hàng xóm trong cái hang này. Ông muốn thể hiện sự cảm thông, hay khâm phục, hay một điều gì còn hơn cả thế mà chính ông cũng không hiểu.

“Vâng, tôi nhớ,” bác Herman nói. “Đôi bốt đó thật đẹp.”

“Bốt xịn đấy. Bác biết là tôi mua đôi bốt đó trong chuyến trăng mật mà. Tôi mua ở Anh. Giờ tôi chẳng nhớ là ở chỗ nào nữa, nhưng không phải ở London.”

“Vâng, tôi nhớ ông đã kể thế.”

“Và bác đã sửa rất khéo. Đến giờ đôi bốt vẫn dùng tốt. Bác làm cẩn thận lắm, bác Herman. Ở đây có bác làm thật chu đáo. Bác làm việc rất uy tín.”

“Thế thì tốt.” Bác Herman liếc nhanh vào chiếc bột đang cầm trên tay. Ông McCauley hiểu rằng bác ta muốn tiếp tục làm việc, nhưng ông không buông tha.

“Tôi mới bị trắng mắt một cú. Sốt quá.”

“Thật à?”

Thế là ông lão liền rút bức thư ra và bắt đầu đọc to vài đoạn, đôi lúc dừng lại để thêm vào một nụ cười chua chát.

“Viêm phế quản. Nó nói nó bị ốm vì viêm phế quản. Không biết nhờ vả chỗ nào nữa. Con không biết nhờ vả được ai nữa. Hừ, lúc nào nó chẳng quá rõ phải nhờ vả ai. Sau khi đã cầu cạnh hết các cửa khác rồi mới lần đến tôi đây. Chỉ vài trăm thôi cho đến khi con hồi phục. Xin xỏ và cầu cạnh tôi trong khi đó vẫn đang ử mưu với con giúp việc nhà tôi. Bác có biết không? Con đó ăn trộm cả đồng đồ nội thất và khuôn sang miền Tây rồi. Thì ra chúng bày trò mèo mả gà đồng. Chính cái thằng tôi đã cứu nguy hết lần này đến lần khác. Mà chưa bao giờ trả lại một xu. Không, không, tôi phải thành thực mà nói là nó có trả năm chục đô. Năm chục trong số hàng trăm nôi tiếp hàng trăm đô. Hàng mấy nghìn rồi. Thì nó có tham gia Không quân trong chiến tranh, chắc ông cũng biết. Cái bọn lùn lùn ấy lại thường vào Không quân. Đi đâu cũng khệnh khạng ra về ta đây là anh hùng đã trải qua cuộc chiến. À, tôi biết mình không nên nói điều này, nhưng tôi nghĩ chiến tranh đã làm hỏng đầu nhiều đứa trong số đó, chúng không bao giờ tái hòa nhập cuộc sống bình thường được. Nhưng chừng đó chưa đủ làm cái cơ để biện minh được. Đúng không nào? Tôi không thể tha thứ cho nó suốt đời chỉ vì cuộc chiến ấy được.”

“Đúng rồi, sao thế được.”

“Tôi biết nó là loại không thể tin được ngay lần gặp đầu tiên. Thế mới kỳ chứ. Tôi biết điều đó, mà vẫn để cho nó bòn rút. Có những kẻ như thế đấy bác ạ. Chỉ vì biết chúng đều giả nên ta thương xót chúng. Tôi đã kiếm cho nó việc trong ngành bảo hiểm đó, tôi cũng có quen biết đôi chút. Tất nhiên là nó lại không trụ được. Đồ lưu manh. Có những kẻ suốt đời như thế.”

“Ông nói phải lắm.”

Hôm nay bác gái Shultz không có ở tiệm. Thường bác vẫn đứng ở quầy, nhận giày của khách mang đến sửa, rồi mang vào cho chồng xem sau đó ra nói lại với khách ý kiến của chồng, viết hóa đơn, thu tiền khi trả giày lại cho khách. Ông McCauley chợt nhớ mùa hè năm đó bác gái vừa trải qua một ca phẫu thuật gì đó.

“Bác gái hôm nay không ra cửa hàng à? Đạo này bà ấy khỏe không?”

“Hôm nay cô ấy muốn nghỉ ngơi. Tôi cho cháu ra giúp ông ạ.”

Bác Herman hát đầu về phía những cái giá bên phải quây, nơi để những chiếc giày đã làm xong. Ông McCauley quay đầu nhìn theo và thấy Edith, con gái ông bà Shultz, thế mà từ lúc vào ông không nhận thấy sự có mặt của nó. Một bé gái gầy gò kiểu trẻ con với mái tóc đen thẳng đang sắp xếp lại những đôi giày, lưng quay lại phía ông. Đúng là phong cách mà nó thường thoát đến thoát đi khỏi nhà ông hồi còn làm bạn với Sabitha. Dường như không ai có thể nhìn kỹ được mặt nó.

“Giờ cháu có thể ra giúp bố được rồi đấy hả?” ông McCauley cất tiếng. “Cháu học xong rồi à?”

“Hôm nay là thứ Bảy,” Edith nói, hơi ngoái người lại và hé môi khác cười.

“Ồ nhỉ. Mà, đỡ dần cho bố thì dù sao cũng là việc tốt. Cháu phải chăm sóc cha mẹ. Họ đã làm lụng chăm chỉ và sống tử tế.” Với giọng pha nhẹ chút ân hận, như biết mình vừa lỡ lời phán xét, ông McCauley tiếp, “Hãy tôn kính cha mẹ, để được sống lâu trong...”<sup>3</sup>

Edith lảm bảm để ông không nghe thấy. Cô bé nói, “Hiệu sửa giày.”

“Tôi làm bác mất thì giờ, làm phiền bác quá,” ông McCauley nói giọng buồn bã. “Bác còn nhiều việc phải làm.”

“Con đâu cần nói xóc như vậy hả,” ông Herman nói với Edith khi ông già McCauley vừa đi khỏi.

Trong bữa tối bác Herman kể lại với vợ tất cả câu chuyện về ông McCauley.

“Lão ấy không còn là chính mình nữa,” bác bình thêm. “Lão như bị bắt vía rồi.”

“Có lẽ lão bị đột quy dạng nhẹ,” bác gái nói. Kể từ khi phải mổ - vì bị sỏi mật - bác thường bình luận với vẻ hiểu biết pha lẫn đặc ý ngầm về bệnh tật của người khác.

Giờ đây khi Sabitha đã chuyển khỏi thị trấn, biến mất vào một cuộc sống kiểu khác dường như luôn chờ đón nó, Edith lại trở lại với đúng bản chất của mình, như trước khi Sabitha tới đây. “Già trước tuổi cần mẫn, khó tính. Chỉ sau ba tuần ở trường cấp ba, nó biết mình sẽ giỏi tất cả các môn mới - tiếng La tinh, đại số, văn học Anh. Nó tin là trí thông minh của mình sẽ được ghi nhận và tưởng thưởng, và một tương lai tươi sáng sẽ mở ra cho nó. Những trò ngu muội năm ngoái với Sabitha đang lui dần vào dĩ vãng.

Nhưng khi nó nghĩ đến việc cô Johanna bỏ đi miền Tây, nó cảm thấy một cơn ớn lạnh dội về từ quá khứ, một hồi chuông cảnh tỉnh thúc giục. Nó cố tìm cách nén cảm giác đó lại, nhưng chẳng ăn thua.

Ngay sau khi rửa bát xong, nó chui tọt về phòng mình với cuốn sách mới được chỉ định phải đọc cho lớp văn học. Cuốn *David Copperfield*.

Nó là một đứa bé chưa bao giờ bị bố mẹ nói nặng lời hơn mức quở trách qua loa, kiêu ngông chiều thường thấy ở những cặp vợ chồng già rồi mới sinh được một đứa con nhỏ tuổi như nó. Người ta vẫn bảo đó là nguyên nhân khiến nó có cách hành xử như vậy - nhưng bản thân nó thì lại thấy mình có cảnh ngộ bất hạnh rất giống David. Nó cảm thấy là mình cũng hết như cậu ta, có thể như một đứa bé mồ côi, vì có lẽ nó sẽ phải bỏ nhà đi trốn và tự lo cho bản thân, một khi sự thật bị phát giác và quá khứ của nó sẽ chặn hết đường đến tương lai.

Tất cả bắt đầu từ lúc Sabitha tự nhiên nói, trên đường đi học, “Chúng mình phải ghé qua bưu điện đã. Tớ phải gửi một lá thư cho bố.”

Hằng ngày hai đứa đều đi cùng đường tới trường và về nhà. Đôi khi chúng còn thử vừa đi vừa nhắm mắt, hay đi lùi. Đôi khi, gặp người qua đường, hai đứa còn thì thầm bằng một thứ ngôn ngữ lạ tai do chúng tự bịa ra để làm họ rối trí. Hầu hết những trò hay ho đó đều do Edith nghĩ ra. Trò duy nhất mà Sabitha đầu tiên được là trò viết tin một thằng con trai cùng với tên một trong hai đứa, rồi gạch bỏ những chữ cái trùng nhau xong bắt đầu đếm những chữ còn lại. Vừa đếm vừa bấm đốt ngón tay, nhắm, Ghét, thân, thương, yêu, cưới rồi đảo lại cho đến chữ cuối cùng để bởi định mệnh giữa hai người.

“Thư gì mà dày thế,” Edith nói. Nó để ý mọi thứ, ghi nhớ mọi thứ và có thể thuộc lòng nhiều trang sách giáo khoa trong thời gian cực ngắn, khiến lũ bạn cùng học phát khiếp. “Cậu có nhiều điều để kể về ông bố thế à?” nó nói với vẻ sững sốt vì nó không tin điều đó - đúng ra là không tin được Sabitha có thể viết ra những điều đó trong một bức thư dài đến vậy.

“Tớ chỉ viết có một trang thôi,” Sabitha vừa nói vừa nhấp nhấp lá thư trong tay để ước lượng độ nặng.

“A ha,” Edith gật gù. “À há.”

“A ha gì cơ?”

“Tớ cá là mẹ ấy đã bỏ cái gì nữa phong bì. Mẹ Johanna ấy.”

Kế hoạch phát sinh đột xuất từ phát hiện này là chúng không mang thư ra thẳng bưu điện nữa, mà giữ lại rồi mang về nhà Edith sau giờ học, hơ trên hơi nước nóng để bóc trộm. Chúng có thể thoải mái làm việc này ở nhà Edith vì mẹ nó phải làm suốt ngày hiệu sữa giày.

Chào anh Ken Boudreau,

Em nghĩ mình phải viết để gửi lời cảm ơn những lời tốt đẹp anh đã dành cho em trong thư gửi con gái. Anh đừng lo em sẽ bỏ việc. Anh nói em là người anh

có thể tin cậy. Đây là theo ý em hiểu, và em ngẫm lại, cho đến giờ phút này, điều đó đúng. Em cảm kích vì anh đã nói ra điều đó, vì có người cho rằng với một người giúp việc không biết rõ gốc gác như em thì thật là ‘câu chuyện cảnh giác’. Vậy nên em nghĩ mình cần kể với anh đôi điều về bản thân. Em sinh ra ở Glasgow, nhưng mẹ bỏ em khi bà đi lấy chồng. Em được đưa vào nhà cô nhi khi mới được năm tuổi. Em cứ chờ bà quay lại đón em, nhưng bà không bao giờ trở lại và em quen dần với mọi thứ ở đó, và mọi người cũng không Tệ<sup>4</sup>. Năm mười một tuổi, em được đưa sang Canada theo một Chương trình hỗ trợ và sống với ông bà Dixon, làm việc ở trang trại lau nhà họ. Trong Chương trình có điều khoản được đi học, nhưng em chẳng mấy khi được đi. Mùa đông, em làm việc trong nhà đỡ dần bà chủ nhưng hoàn cảnh khiến em nghĩ mình phải đi khỏi đó, và vì cao lớn hơn tuổi, em được nhận vào làm trong Viên Dưỡng lão, chăm sóc người già. Em cũng không ngại làm ở đó, nhưng thấy được nhiều tiền hơn nên chuyển đến làm ở một Xưởng Sản xuất Chổi. Ông chủ xưởng Willets có một bà mẹ già đến ngó qua xem công việc ra sao, và bà ấy với em cũng kiểu khá hợp nhau. Không khí ở nhà xưởng làm em khó thở, nên bà ấy bảo em nên về làm cho bà, và em đã nghe theo. Em sống với bà 12 năm bên một cái hồ tên là hồ Chim Gáy ở miền Bắc. Chỉ có hai người với nhau, nhưng em quán xuyến được hết mọi việc trong nhà ngoài đường, lái được cả xuồng máy và ô tô. Em học đọc thành thạo vì mắt bà càng ngày càng kém và bà thích được em đọc cho nghe. Bà mất năm 96 tuổi. Chắc anh sẽ nói còn trẻ thế mà phải sống đời như vậy, nhưng em hạnh phúc. Bữa nào em cũng ăn cùng với bà, và em ngủ trong phòng bà vào khoảng một năm rưỡi trước khi bà qua đời. Nhưng sau khi bà mất, gia đình bảo em phải dọn ra trong một tuần. Bà để lại cho em ít tiền, và chắc điều đó làm họ không vui. Bà muốn em dùng tiền đó chi cho Giáo dục, nhưng như thế thì em lại phải ngồi cùng lớp với bọn trẻ con. Nên khi em thấy quảng cáo ông McCauley đăng trên báo *Hoàn cầu và Thư tín*, em đã đến xem thử. Em cần làm việc để vượt qua nỗi nhớ bà Willets. Em nghĩ em đã làm anh đủ chán với Hoàn cảnh Gia đình rồi, em nên buông tha cho anh và trở về với Hiện tại. Cảm ơn anh về lời nhận xét tốt và về việc đưa em đi cùng tới Hội chợ. Em đi không phải để chơi trò chơi này kia hay ăn quà, nhưng chắc chắn em thấy rất vui khi được đi cùng.

Bạn anh, Johanna Parry.

Edith nhại lại lời lẽ của Johanna với chất giọng da diết và biểu cảm bi ai.

“Em sinh ra ở Glasgow, nhưng mẹ em bỏ em khi bà nhìn thấy em lần đầu...”

“Thôi thôi,” Sabitha nói. “Tớ chết vì cười mắt.”

“Làm thế nào mà mẹ ấy nhồi được thư của mẹ vào cùng với lá thư của cậu mà cậu không biết?”

“Mẹ bảo tớ đưa thư tớ viết cho mẹ để mẹ bỏ vào phong bì và viết địa chỉ, mẹ nghĩ chữ tớ khó đọc.”

Edith phải dùng băng dính dán ngoài mép phong bì vì không còn đủ hồ dính bên trong. “Mụ đang yêu ông bô đấy,” nó nói.

“Ôi, ọe ọe,” Sabitha vừa nói vừa ôm bụng. “Không đời nào. Bà cô Johanna ơi.”

“Thế ông bô nói gì về mụ?”

“Chỉ nói là tớ phải quý trọng mụ, và nếu mụ bỏ việc thì rất dở, vì may lắm mới kiếm được một người giúp việc như mụ, và ông bô không có chỗ nuôi tớ còn ông ngoại thì không thể tự mình chăm cháu gái, rồi cà kê dê ngỗng. Ông nói mụ là người đứng đắn lịch thiệp. Ông nói ông cảm nhận được như thế.”

“Thế rồi mụ mang lòng y-ê-u.”

Lá thư phải để lại nhà Edith qua đêm, nếu không Johanna sẽ phát hiện ra rằng thư chưa được gửi đi, và lại còn được dính lại bằng băng dính nữa. Sáng hôm sau hai đứa mới mang ra bưu điện.

“Rồi chúng mình xem ông bô nhà cận viết lại thế nào. Cứ chờ đấy,” Edith nói.

Mãi chẳng có thư hồi âm. Rồi khi có, thì hai đứa lại thất vọng. Chúng lại đem hơi trên hơi nước nóng để mở thư ở nhà Edith, nhưng chẳng thấy có dòng nào cho Johanna hết.

Sabitha con yêu,

Giáng sinh năm nay đến đúng lúc bố hơi kẹt, rất tiếc bố không có gì hơn để gửi cho con ngoài tờ hai đô la. Nhưng bố mong con khỏe mạnh và có một lễ Giáng sinh vui vẻ và chăm học. Riêng bố thì không được khỏe lắm, bị viêm phế quản, hình như cứ đến mùa đông và bố lại bị, nhưng đây là lần đầu tiên bố bị nó quật phải nằm dưỡng bệnh ngay trước lễ Giáng sinh. Chắc con cũng thấy trên địa chỉ gửi thư, bố đã chuyển đến nơi ở mới. Căn hộ trước ở một nơi rất ồn ào và có quá nhiều người ghé lại đòi tụ tập ăn uống. Bố đang ở một ký túc xá, cũng thấy hợp vì không phải đi chợ nấu nướng, là những việc bố không bao giờ rành.

Chúc lễ Giáng sinh vui vẻ và yêu con, Bố.

“Johanna tội nghiệp,” Edith nói. “Trái tim mụ sẽ tan nát mất.”

Sabitha nói, “Ai hơi đâu mà lo.”

“Trừ chúng ta,” Edith nói.

“Gì cơ?”

“Viết trả lời mụ.”

Chúng sẽ phải đánh máy lá thư, vì Johanna sẽ nhận ra chữ viết không phải của bố Sabitha. Nhưng đánh máy có khó gì. Trong nhà Edith có một máy đánh chữ, trên một cái bàn chân xếp ở phòng khách. Trước đây khi còn chưa lấy chồng mẹ Sabitha có làm cho một văn phòng, và thỉnh thoảng bác ta vẫn kiểm thêm bằng việc soạn những thư từ người ta cần trình bày trang trọng. Bác đã dạy Edith những thao tác đánh máy cơ bản với hy vọng một ngày nào đó Edith cũng sẽ kiếm được việc làm ở một văn phòng.

“Johanna thân,” Sabitha nói, “Tôi xin lỗi không thể yêu em được vì em bị những nốt xấu xí đầy khắp mặt.”

“Tớ đang cần suy nghĩ nghiêm túc,” Edith nói. “Câu ngậm miệng lại đã.”

Nó bắt đầu gõ, “Tôi rất mừng khi nhận được thư em...” và đọc to những lời tự bịa, chỉ dừng khi cần nghĩ ngợi thêm, giọng nó càng lúc càng trịnh trọng và điệu dàng. Sabitha nằm xoải trên đi văng và cười khúc khích. Có lúc nó bật ti đi lên, nhưng Edith nói, “Làm ơn nào. Tớ tập trung vào cảm xúc sao được khi những thứ cút đái ấy dội vào tai?”

Edith và Sabitha tập tọng văng những từ như “cút đái” và “chó đẻ” hay “lạy Chúa” khi chỉ có chúng với nhau.

Johanna thân,

Tôi rất mừng khi nhận được thư em gửi cùng với thư Sabitha và được biết về cuộc đời em. Thật là nhiều buồn tủi và cô đơn, dù em cũng có may mắn gặp được bà Willets. Em lúc nào cũng thật chịu khó, không kêu ca và tôi phải nói rằng tôi rất quý trọng em. Cuộc đời tôi cũng chìm nổi và tôi chưa bao giờ ổn định được. Tôi không biết vì sao luôn thấy bồn chồn và cô đơn trong tâm, có lẽ là số phận. Tôi cũng gặp gỡ và chuyên trò với mọi người, nhưng đôi khi tôi tự vấn, Ai là bạn mình? Rồi lá thư của em đến và em viết ở cuối thư, bạn anh.” Rồi tôi nghĩ, Có phải cô ấy nói thật không? Và nếu Johanna nói với tôi rằng em coi tôi đúng là một người bạn thì thật là một món quà Giáng sinh ý nghĩa. Hay là em chỉ viết thế để kết thúc lá thư một cách lịch sự, và em chưa hiểu tôi đủ. Dù sao cũng chúc Giáng sinh vui vẻ.

Bạn em, Ken Boudreau.

Bức thư được chuyển về nhà cho Johanna. Lá thư cho Sabitha cũng được đánh máy lại, vì thư viết cho người này viết tay còn cho người kia lại đánh máy thì hơi kỳ. Lần này chúng hơi hơi nước nóng vừa đủ và mở thư cẩn thận hơn, nên không bị bong nhiều hồ và không cần phải dùng băng dính một cách lộ liễu nữa.



“Sao chúng mình không kiếm một cái phong bì mới và đánh máy luôn địa chỉ? Nếu ông bố đã dùng máy chữ thì phải đánh luôn trên phong bì chứ Sabitha vừa hỏi vừa nghĩ rằng mình cũng khôn ngoan.

“Vì một cái phong bì mới sẽ không có dấu bưu điện hiệu chưa đồ ngốc.”

“Thế nhờ mẹ trả lời thư thì sao?”

“Thì chúng ta lại đọc.”

“Ừ, nhưng nếu mẹ ta viết rồi gửi trực tiếp cho ông ấy?”

Edith không muốn tỏ ra rằng mình chưa nghĩ đến tình huống ấy.

“Mẹ sẽ không làm thế đâu. Mẹ cáo lăm. Dù sao, cậu cũng cần viết lại ngay cho ông bố để mẹ nghĩ có thể nhồi thư vào cùng.”

“Tớ ghét phải viết những lá thư ngu xuẩn lắm rồi.”

“Cô đi. Có chết đâu mà lo. Cậu không muốn xem mẹ sẽ nói gì à?”

Bạn thân mến,

Anh hỏi rằng em có đủ hiểu anh để kết bạn không, và câu trả lời của em là em nghĩ đã đủ. Em mới chỉ có một người Bạn trong đời, bà Willets, người em yêu thương và cũng rất tử tế với em, nhưng bà đã mất rồi. Bà hơn em nhiều tuổi quá và điều nan giải với Bạn Vong niên là họ bỏ mình mà chết trước. Bà ấy lại già cả lú lẫn quá, đến nỗi nhiều khi gọi em bằng tên của một người khác. Nhưng em không chấp đâu.

Em muốn kể cho anh một chuyện lạ. Bức ảnh anh thuê thợ chụp ở Hội chợ, có anh và bé Sabitha và bé Edith bạn nó, và em, em đã phóng to và lồng khung treo trong phòng khách. Bức ảnh không được đẹp lắm và chắc gã thợ chụp vẫn đòi anh đủ tiền, như có còn hơn không. Hôm kia em lau chùi quanh đã tưởng rằng mình nghe được tiếng anh gọi. Chào em, anh nói thế, và em nhìn chăm chú mặt anh trong ảnh và em nghĩ, Ôi, mình mất trí rồi. Hoặc đó và dấu hiệu em sắp nhận được thư anh. Em đang nói nhảm đấy, em chẳng tin những điều như thế. Nhưng hôm qua có thư đến thật. Nên anh thấy đấy, đề nghị em làm bạn của anh chẳng có gì là quá. Em có thể tìm cách khóa laptop bằng công việc, nhưng có một người Bạn thực sự lại là một chuyện khác.

Bạn anh, Johanna Parry.

Tất nhiên, lá thư này không thể bỏ vào phong bì chung được. Bố của Sabitha sẽ nhận ra điều bất ổn khi đọc đoạn nói tới lá thư trước mà anh ta không bao giờ viết. Chữ nghĩa của Johanna phải đem xé nhỏ và xối nước xuống bồn cầu nhà Edith.

Phải hàng mấy tháng sau bức thư tiếp theo của bố Sabitha, nói về khách sạn, mới đến. Khi ấy là mùa hè. Và chỉ nhờ may mắn tình cờ mà Sabitha mới nhận được lá thư đó, vì nó vừa đi xa ba tuần, tới chơi với gia đình di Roxanne và chú Clark tại ngôi nhà nghỉ bán hồ Simcoe thuộc sở hữu của họ.

Câu đầu tiên mà Sabitha lập tức thốt lên ngay khi vừa bước vào nhà Edith là, “Hự, hự. Chỗ này mùi kinh quá.”

“Hự, hự” là từ nó mới học được từ đám em họ.

Edith hít hít không khí. “Tớ chẳng ngửi thấy mùi gì cả.”

“Mùi giống hệt cửa hàng bố cậu vậy, chỉ không nặng bằng thôi. Chắc dính theo quần áo đồ đạc của bố mẹ cậu.”

Edith bắt tay vào việc hơ nước nóng và mở thư. Trên đường từ bưu điện đến đây, Sabitha đã ghé hiệu bánh mua hai cái bánh su kem phủ sô cô la. Nó nằm xuống đi vắng và ăn cái bánh của mình.

“Chỉ có mỗi một lá. Cho cậu,” Edith nói. “Tội nghiệp bà cô Johanna. Tất nhiên là ông ấy chẳng bao giờ nhận được thư của mẹ.”

“Cậu đọc giúp đi,” Sabitha nói buông xuôi. “Tay tớ dính đầy kem rồi.”

Edith đọc nhanh như đọc công văn, không thèm dừng ở những chỗ chằm câu.

Ôi, Sabitha, vận may của bố chợt đổi bất ngờ, như con thày trong địa chỉ, bố không còn ở Brandon nữa mà đang ở một thị trấn tên là Gdynia. Và không còn đi làm ở chỗ cũ nữa. Mùa đông trước bố chật vật vì luôn bị tức ngực do thời tiết, và họ, những lầy sếp ở chỗ bố làm, vẫn không cho bố làm việc trong văn phòng mà định bắt bố rong ruổi ngoài đường bất chấp nguy cơ bố bị viêm phổi nên đã xảy ra cãi cọ và hai bên quyết định chia tay nhau. Nhưng vận may luôn là thứ khó hiểu, vì đúng lúc này thì bố lại được làm chủ một khách sạn. Những chi tiết cụ thể rất phức tạp bố không giải thích hết được, nhưng nếu ông ngoại hỏi thì con cứ nói là có người nợ bố tiền không trả được nên đã gán cho bố cái khách sạn này. Thế là giờ bố chuyển từ một phòng trong ký túc xá đến một tòa nhà mười hai phòng ngủ, từ chỗ chẳng sở hữu được chính cái giường mình nằm cho đến chỗ có trong tay bao nhiêu giường. Thật là kỳ diệu khi mỗi sáng thức dậy thấy mình được làm chủ chính mình. Bố còn phải sửa sang vài chỗ, và thực ra là nhiều chỗ nữa, và sẽ bắt tay làm ngay khi thời tiết ấm lên. Bố sẽ phải thuê người phụ giúp và sau này sẽ thuê một đầu bếp tốt để mở một nhà hàng cùng với quầy đồ uống trong khách sạn. Chắc sẽ bán chạy như tôm tươi vì thị trấn này chưa có những thứ đó. Mong con khỏe, chăm chú học hành và rèn luyện những thói quen tốt.

Yêu con, BỐ.

Sabitha hỏi, “Nhà cậu có cà phê không?”

“Có loại uống liền Edith nói. “Sao?”

Sabitha nói cà phê đá là thứ mọi người ở nhà chú dì đều uống cả và ai cũng mê. Cả nó cũng mê nữa. Nó bật dậy và lục lọt trong bếp, đun nước và khuấy cà phê với sữa và đá viên. “Cái này mà có kem va ni nữa thì mới hợp nó nói. “Ồi lạy thánh, tuyệt làm sao. Cậu không muốn ăn bánh su kem à?”

Ồi lạy thánh.

“Có chứ. Để đây tớ ăn hết,” Edith nói phũ phàng.

Sabitha thay đổi đến thế, trong có ba tuần - suốt thời gian đó Edith phải làm việc ở cửa hàng còn mẹ nó nghỉ ngơi ở nhà sau ca phẫu thuật. Da của Sabitha giờ đây lên màu bánh mật rất ngon mắt, tóc nó được tĩa ngắn hơn, bông ra ôm lấy khuôn mặt. Lũ em họ Sabitha đã cắt và uốn tóc kiểu đó cho nó. Nó mặc một kiểu như áo liền quần, phần quần sóc trông như váy ngắn còn đó có khuy cài đằng trước và dải băng ten trên vai tông màu xanh da trời tươi tắn. Nó đã có da có thịt hơn, và khi cúi xuống với ly cà phê sữa trên sàn, nó bày ra một cái khe mịn màng, bóng bẩy.

Bầu vú. Có khi từ trước lúc đi nghỉ, nó đã bắt đầu nảy ngực nhưng Edith không để ý thấy. Hay là tự nhiên một hôm ngủ dậy vú nó đã to lên như thế. Chịu không biết được.

Dù bằng cách nào đi chăng nữa, đôi bầu vú có vẻ như là một lợi thế tự nhiên có, và rất không công bằng.

Sabitha nói hết chuyện này đến chuyện khác về lũ em họ và cuộc sống ở ngôi nhà nghỉ của chú dì nó. Nó kể, “Nghe này, tớ phải kể chuyện này cho cậu, buồn cười cực...” rồi liền thoáng về những lời dì Roxanne quát chú Clark khi họ cãi nhau, về chuyện đưa em họ Mary Jo không có bằng vẫn lái chiếc xe của Stan (Stan là ai vậy?) lại còn hạ mui xuống và đưa cả bọn vào chỗ mua đồ ăn phục vụ tại xe - nhưng ý nghĩa của câu chuyện hay cái chỗ buồn cười cực thì chẳng rõ là gì.

Nhưng sau một hồi thì cũng có chuyện rõ ràng. Những cuộc phiêu lưu mùa hè đích thực. Bọn con gái lớn hơn - trong đó có Sabitha - ngủ ở tầng trên của nhà thuyền. Đôi khi chúng chơi cù ky - cả bọn xúm vào cù một đĩa cho đến khi đĩa ấy phải thét lên xin tha và chịu tụt quần ngủ cho mọi người xem có lòng chưa. Rồi chúng kể những câu chuyện về bọn con gái ở thường nội trú làm việc đó với cán lược gỗ, cán bàn chải. Hự hự. Đôi khi hai đứa trong số các em con dì

nó diễn trò cho cả bọn xem - một đứa nằm lên trên đứa kia, giả vờ làm con trai, rồi chúng quắp chân lấy nhau, rên rĩ và thở hồng hộc rồi cứ thế.

Cô em ruột chú Clark và chồng đến nghỉ tuần trăng mật, và chúng đã bắt gặp chú ta cho tay vào trong quần bơi của vợ.

“Họ yêu nhau thắm thiết lắm, làm chuyện đó cả ngày lẫn đêm,” Sabitha nói. Nó ôm một cái gối vào ngực. “Con người ta không thể thiếu được chuyện đó khi yêu nhau đến thế.”

Một đứa em họ nó đã làm với con trai rồi. Đó là một cậu làm vườn và mùa hè, trong số những người được thuê để chăm sóc khu vườn của nhà nghỉ ở cuối đường. Cậu ta chèo thuyền đưa nó ra giữa hồ và dọa đẩy nó xuống nước cho đến khi nó đồng ý để cậu ta làm chuyện đó. Như thế con bé không hề có lỗi.

“Thế nó không biết bơi à?” Edith hỏi.

Sabitha kẹp cái gối vào giữa hai chân. “Á á á,” nó thốt lên. Làm thế này sướng quá.”

Edith biết tổng tất cả những trò lạc thú Sabitha đang tán tụng, nhưng nó hơi sững sốt vì người ta lại có thể nói khơi khơi như thế. Bản thân nó thì thấy sợ hãi những cảm giác ấy. Nhiều năm trước đây, trước khi nó ý thức được mình đang làm gì, nó đã kẹp chân vào giữa hai chân khi đi ngủ, rồi mẹ nó phát hiện ra và kể cho nó chuyện một đứa con hay làm như thế, cuối cùng phải đi mổ để chữa chứng ấy.

“Người ta tạt nước lạnh vào người nó, nhưng không ăn thua gì,” mẹ nó kể. rồi cuối cùng phải đưa nó đi cắt.”

Nếu không thì bộ phận ấy có thể sẽ bị tắc dẫn đến tử vong.

“Thôi đi nào,” nó bảo Sabitha, nhưng Sabitha phản đối bằng tiếng rên kích động và nói, “Không sao đâu. Ở đây ai cũng làm thế này. Cậu không lấy gối dùng à?”

Edith đứng dậy và đi vào bếp, đổ đầy nước lạnh vào ly cà phê đá vừa uống hết. Khi nó trở lại phòng khách, Sabitha đang nằm rũ ra trên đi văng, cười lớn, cái gối bị quăng xuống sàn.

“Cậu nghĩ tớ đang làm gì lúc nãy nó nói. “Cậu không biết là tớ đùa cậu à?”

“Tớ khát,” Edith nói.

“Nhưng cậu vừa uống hết nguyên một ly cà phê đá mà.”

“Tớ khát nước.”

“Nói chuyện với cậu chả thú gì cả.” Sabitha ngồi dậy. “Nếu cậu khát thế sao không uống nước đi?”

Chúng ngồi trầm ngâm không nói với nhau câu nào nữa, rồi đột nhiên Sabitha nói với giọng làm lạnh nhưng không giấu được vẻ thất vọng, “Chúng mình viết cho Johanna một lá thư nữa đi chứ? Viết cho mẹ một lá thư thật tình tứ vào.”

Edith không còn mấy hứng thú về chuyện thư từ nữa, nhưng nó vui khi thấy Sabitha vẫn chưa hết hứng. Cảm giác mình là kẻ sành sỏi hơn Sabitha đã trở lại phần nào, sau cú sốc về những chuyện ở hồ Simcoe và cặp vú. Edith thở dài về miễn cưỡng, đứng dậy và mở nắp máy chữ.

“Người tình thân yêu nhất Johanna...” Sabitha nói.

“Không. Nghe chối quá.”

“Nhưng mẹ ấy không thấy thế đâu.”

“Mẹ sẽ thấy chối đấy,” Edith nói.

Nó băn khoăn không biết có nên nói với Sabitha về nguy cơ bị tắc cơ quan ấy không. Rồi quyết định là không. Vì một lẽ, thông tin đó rơi vào tập hợp những lời cảnh báo từ phía mẹ nó, và không bao giờ phân loại được là có thể tin hay không. Điều đó không đáng ngờ đến độ như lời giảng về việc đi dép cao su trong nhà sẽ làm giảm thị lực, tuy nhiên cũng chẳng nói trước được một ngày nào đó có thể nó sẽ phát hiện ra cả hai điều trên đều ngớ ngẩn như nhau.

Và vì một lẽ khác - chắc Sabitha sẽ chỉ cười phá lên thôi. Sabitha luôn cười phá lên khi nghe những lời cảnh báo - nó thậm chí sẽ cười khi bạn bảo với nó là ăn nhiều bánh su kem sô cô la sẽ làm nó béo.

“Thư trước của em làm anh thật sung sướng...”

“Thư trước của em khiến anh ngất ngây...” Sabitha nói.

“... làm anh thật sung sướng khi nghĩ rằng mình có một người bạn thực sự trên thế gian này, đó chính là em...”

“Suốt đêm anh không ngủ được vì luôn mong chờ được ôm siết em trong vòng tay...” Sabitha vòng tréo hai tay tự ôm lấy người nó và đung đưa.

“Không. Anh thường thấy rất cô đơn, không có người chia sẻ, dù có mặt cuộc sống hướng ngoại...”

“Chữ đó nghĩa là gì... ‘hướng ngoại’ ấy? Mẹ sẽ không hiểu đâu.”

“Mẹ ấy hiểu.”

Những từ đó làm Sabitha tắt tiếng và có lẽ cảm thấy phật ý. Nên cuối cùng Edith đọc to, “Anh phải nói lời tạm biệt thôi, và cách duy nhất anh có thể kết thúc bức thư là tưởng tượng rằng em sẽ đỏ mặt khi đọc những dòng này...” “Thế là đúng ý cậu muốn thêm rồi chứ gì?”

“Đọc những dòng này trên giường, lúc đang mặc váy ngủ,” Sabitha nói, như nó vẫn thường vui lại rất nhanh, “và nghĩ về lúc anh ôm siết em trong vòng và mút ti em...”

Johanna thương yêu,

Lá thư trước của em khiến anh hạnh phúc khi nghĩ rằng mình có một người bạn thực sự trên thế gian này, đó chính là em. Anh thường thấy rất cô đơn và không có người chia sẻ dù có một cuộc sống hướng ngoại.

Ừ, anh đã kể với Sabitha trong thư cho nó về vận may của anh và anh khởi nghiệp kinh doanh khách sạn ra sao. Nhưng anh không kể cho nó mùa đông trước mình đã bị ốm như thế nào, vì anh không muốn làm nó lo lắng. Anh cũng không muốn làm em lo lắng, Johanna yêu dấu, chỉ muốn nói với em rằng anh rất hay nghĩ về em và mong được nhìn thấy khuôn mặt dịu dàng thân thương của em. Trong cơn sốt, anh có cảm giác mình nhìn rõ khuôn mặt em đang cúi xuống và nghe tiếng em nói rằng anh sẽ chóng khỏe thôi và cảm nhận đang được bàn tay vị tha của em chăm sóc. Lúc đó anh đang ở ký túc xá, và khi anh khỏi sốt thì rất nhiều người xung quanh chế và trêu anh, cái cô Johanna đó là ai vậy? Nhưng anh buồn cực độ khi tỉnh dậy mà không thấy em ở bên. Anh tự vẫn có cách nào em bay xuyên không gian đến với anh được không, dù anh biết điều đó không thể xảy ra. Tin anh, tin anh đi, ngay cả ngôi sao điện ảnh xinh đẹp nhất cũng không được anh đón nhận như em. Anh không biết có nên kể với em những gì em đã nói vào tai anh không, vì đó và những lời ngọt ngào và tình cảm nhưng có thể làm em ngượng đấy. Anh không muốn dừng bút vì giờ đây anh cảm thấy như mình đang ôm chặt em và đang thì thầm vào tai em trong bóng tối nơi căn phòng riêng tư của chúng mình, nhưng anh phải nói lời tạm biệt thôi, và cách duy nhất anh có thể kết thúc bức thư là tưởng tượng rằng em đang đọc những dòng này và đỏ mặt lên. Nếu em đọc trên giường khi đang mặc váy ngủ và nghĩ về vòng tay của anh đang ôm chặt em thì càng tuyệt.

Y-e, Ken Boudreau.

Một điều hơi lạ là Johanna không hồi âm lại bức thư này. Sau khi Sabitha viết xong lá thư của nó, dài đâu chừng nửa trang, Johanna liền bỏ vào phong bì rồi viết địa chỉ ra ngoài, và chỉ có thế.

Khi Johanna xuống tàu, chẳng có ai đón cô. Cô gắng không lấy thế làm lo lắng - trước đó cô đã từng nghĩ rằng lá thư của mình có thể còn đến sau chuyến tàu chở cô. (Thực ra nó đã đến nơi rồi, và đang nằm ở bưu điện chưa có người đến nhận, do Ken Boudreau, không hề ốm nặng vào mùa đông năm ngoái, mà giờ mới đang mắc bệnh viêm phế quản và đã mấy ngày nay không ra bưu điện kiểm tra thư từ. Đến hôm đó thì còn có một phong thư nữa cũng gửi cho gã, trong đó có tờ ngân phiếu của ông McCauley. Nhưng ông đã báo ngân hàng hủy lệnh thanh toán theo tờ ngân phiếu đó rồi.)

Điều làm cô lo ngại hơn là nơi này trông không có vẻ gì giống một thị trấn cả. Ga tàu là một gian phòng xếp với mấy băng ghế xếp dọc tường, quầy bán vé thì có bức màn gỗ kho sụp xuống che khuất. Có một gian kho chứa hàng - cô đoán rằng đó là kho hàng - nhưng cửa đẩy không nhúc nhích. Cô ghé mắt nhìn qua khe cửa cho đến khi mắt quen với bóng tối, đủ để nhận ra bên trong rỗng không, sàn phủ một lớp bụi. Không có kiện hàng đồ nội thất nào hết. Cô gọi to, "Có ai ở đây không? Có ai không?" đến vài lần, dù không mong chờ có người đáp lời.

Cô đứng trên sân ga và cố tĩnh tâm lại.

Khoảng nửa dặm phía trước có một ngọn đồi thấp, dễ nhận ra nhờ vòm cây. Và cái lối mòn nâu nâu vàng vàng - mà khi nhìn từ trên tàu cô cứ tưởng là đường tắt vào một thửa ruộng - hẳn phải là đường chính. Rồi cô bắt đầu nhận ra những ngôi nhà thấp tè rải rác trong lùm cây - và một tháp nước, trông xa như một thứ đồ chơi - một anh lính chì với đôi chân lêu đêu.

Cô nhắc va li lên và cất bước - cũng chẳng nặng nhọc lắm. Xét cho cùng, cô đã mang chiếc va li đó suốt từ đường Triền Lãm ra ga cơ mà.

Có một làn gió thổi nhẹ qua, nhưng hôm nay là một ngày nóng nực - nóng hơn thời tiết ở Ontario nơi cô vừa rời đi, và làn gió cũng có vẻ phả thêm hơi nóng. Bên ngoài chiếc váy mới cô lại khoác thêm chiếc áo choàng cũ, vì nếu cho vào va li thì choán mất nhiều chỗ quá. Cô thèm thòm nhìn bóng râm của thị trấn trước mặt, nhưng khi tới tận nơi, cô mới nhận ra đó chỉ là những cây vân sam - tán vừa hẹp vừa vươn thẳng nên chẳng có mấy bóng râm, hay cây dương lá mỏng thưa thưa, gió nhẹ cũng tạt đi và không cản nổi ánh nắng.

Cô thấy nản lòng vì có cảm giác nơi này thật thiếu quy củ, thiếu tổ chức. Không có vỉa hè, chẳng có đường rải nhựa, không có công trình nào tầm vóc ngoại trừ một nhà thờ lớn nhưng trông na ná một cái nhà kho xây bằng gạch. Có một bức bích họa trên vòm cửa, thể hiện gia đình Đức Chúa với những khuôn mặt màu đất và những đôi mắt xanh lấp lánh. Nhà thờ mang tên của một vị thánh cô chưa từng nghe - Thánh Voytech.

Các căn nhà ở đây có vẻ không được quy hoạch hay thiết kế chu đáo. Chúng nằm xiên xẹo không theo hàng lối với đường phố, và phần lớn có những ô cửa

sổ nhỏ trở ra tùy tiện trông có vẻ tồi tàn, với các mái hiên chắc tuyệt như những cái hộp bên ngoài cửa ra vào. Không có ai ở ngoài sân hết, vả lại sao lại phải ở ngoài cơ chứ? Chẳng có cây cối rau quả gì cần chăm sóc, chỉ có những cụm cỏ nâu, thỉnh thoảng điểm một khóm lớn đại hoàng đã kết hạt.

Phố chính, cứ tạm gọi thế đi, chỉ có một bên vỉa hè lát gỗ, và mấy ngôi nhà rời rạc, trong đó chắc chỉ có một cửa hàng tạp hóa (có một gian làm bưu điện) và một ga ra sửa xe là còn hoạt động. Có một ngôi nhà hai tầng, khiến cô nghĩ đó chính là khách sạn đang tìm, nhưng hóa ra là ngân hàng và đã đóng cửa rồi.

Con người đầu tiên cô nhìn thấy - dù có hai con chó đã sửa với theo cô dọc đường đi - là một người đàn ông trước ga ra sửa xe, đang bận chất dây xích lên thùng sau xe tải.

“Khách sạn à?” ông ta nói. “Cô đi quá rồi.”

Ông ta bảo cô rằng nó ngay cạnh ga, nhưng chéch xuống một chút về phía bên kia của con đường, sơn màu xanh và không thể lẫn vào đâu được.

Cô bỏ va li xuống, không phải vì chán nản mà vì cần nghỉ tay một chút.

Ông ta nói sẽ chờ cô tới đó nếu cô chờ được một lát. Và dù cô chưa từng nhận một lời đề nghị giúp đỡ kiểu đó bao giờ, ít phút sau cô đã ngồi trong buồng lái nóng nực và nhờn dầu mỡ của chiếc xe tải, chạy ngược ạoi con đường đất mà cô vừa vượt qua, giữa tiếng xúng xoảng của những dây xích sau thùng xe.

“VẬY... cô mang cơn gió nóng từ đâu tới đây vậy?” ông ta hỏi.

Cô đáp Ontario, với một giọng như ra dấu rằng sẽ không đáp thêm dù chỉ một lời nào nữa.

“Ontario à,” ông ta nói với vẻ hồi tiếc. “Đây. Nó đây rồi. Khách sạn của cô ấy.”

Ông ta bỏ một tay ra khỏi vô lăng. Chiếc xe tải giật chồm một cái khi ông ta chỉ tay vào một ngôi nhà hai tầng mái bằng. Đúng là cô đã nhìn thấy nó từ trên tàu hỏa, trước khi vào ga. Nhưng lúc đó cô nghĩ đó là một căn nhà ở, tuy rộng nhưng cũ kỹ xập xệ và có lẽ đã bị bỏ hoang. Sau khi đã nhìn thấy các ngôi nhà khác nơi này, cô biết lẽ ra lúc đó không nên suy đoán như thế. Tường ngoài ngôi nhà được ghép bằng những tấm tôn có dập hình để lờng giống như gạch xây, và sơn màu lam nhạt. Phía trên cửa vào có một biển hiệu với chữ KHÁCH SẠN bằng đèn huỳnh quang, nhưng không còn sáng nữa.

“Tôi là một đứa tồi tệ,” cô nói và đề nghị trả ông ta một đô vì đã chờ cô tới đây.



Ông ta cười lớn. “Cứ giữ tiền cho chặt. Không biết khi nào cô sẽ cần tới chúng đâu.”

Ngoài cửa khách sạn có một chiếc xe trông khá tử tế hiệu Plymouth đang đỗ. Nhưng nó bụi bặm quá, mà cũng phải thôi, với tình trạng đường sá thế này thì tránh sao được?

Có vài tấm biển trên cửa quảng cáo một loại thuốc lá, và bia. Cô chờ cho chiếc xe tải đi khuất rồi mới gõ cửa - cô gõ vì khách sạn trông không có vẻ gì là đang mở cửa kinh doanh. Rồi cô thử đẩy cửa xem có mở không, và bước vào một căn phòng nhỏ đầy bụi có một cầu thang, tiếp đó là một phòng lang tối om có một bàn bida, bốc mùi bia lưu cữu chua loét còn sàn nhà thì chưa được quét dọn. Từ đó có một phòng gác, nơi cô thấy ánh phản chiếu của một tấm gương, một bàn quây và các kệ rỗng. Những căn phòng này đều có màn kéo kín. Nguồn ánh sáng duy nhất cô nhìn thấy là từ hai cửa sổ tròn nhỏ, đúng ra là hai ô kính gắn trên hai cánh cửa ra vào. Cô bước qua cánh cửa đó tới một gian bếp. Ở đó sáng hơn vì phía trên tường đối diện có một dãy cửa sổ nhỏ trên cao, ô bản, không có gì che phủ. Và đây mới có dấu hiệu đầu tiên của sự sống - ai đó đã ăn ở bàn và bỏ nguyên chiếc đĩa với những vệt xốt cà chua đã khô và một nửa tách cà phê đen đã nguội lạnh.

Một trong những cánh cửa từ nhà bếp dẫn ra phía ngoài - nhưng đã bị khóa - và một cánh cửa dẫn tới kho chứa đồ ăn, trong đó có một ít đồ hộp, một cánh cửa dẫn tới tủ đựng chổi và giẻ lau, và một cánh cửa khác dẫn đến một cầu thang quây kín. Cô bước lên cầu thang, nhắc chiếc vali trước mặt từng bậc một vì không có đủ chỗ xách bên cạnh. Thẳng đầu cầu thang, trên gác hai cô thấy một phòng vệ sinh với bệ ngồi bồn cầu đã lật lên.

Cánh cửa phòng ngủ cuối hành lang đang mở toang, và cô tìm thấy Ken Boudreau trong đó.

Cô nhìn thấy quần áo của gã trước khi thấy gã. Áo vét của gã treo ở một góc cửa, quần treo ở tay nắm, ống quét dưới sàn nhà. Cô lập tức nghĩ đó không phải là cách giữ gìn quần áo tốt, nên bước dứt khoát vào căn phòng - bỏ lại chiếc vali ở hành lang - với ý định treo quần áo lên cho nghiêm chỉnh.

Gã nằm trên giường, chỉ đắp một tấm ga. Chăn và đồ sơ mi của gã nằm dưới sàn. Gã thở gấp như sắp dậy đến nơi, nên cô cất tiếng, “Chào buổi sáng. À buổi chiều.”

Ánh nắng rực rỡ chiếu qua cửa sổ gần như rọi thẳng vào mặt gã. Cửa sổ bị đóng chặt và không khí trong phòng bí khùng khiếp - bốc mùi, ít nhất là từ cái gạt tàn đã đầy ụ đặt trên chiếc ghế gã dùng làm bàn cạnh giường.

Gã có một thói quen tệ hại - gã hút thuốc trên giường.

Nghe tiếng cô, gã không trở dậy - hoặc gã mơ màng nửa ngủ nửa thức. Rồi gã bắt đầu ho.

Cô nhận ra ngay đây là tiếng ho đáng ngại, tiếng ho của một người bệnh. Gã cố chống người dậy, mắt vẫn nhắm nghiền, và cô bước tới bên giường để đỡ gã. Cô đảo mắt tìm khăn mùi soa hay hộp khăn giấy, nhưng không tìm thấy nên cô với lấy chiếc áo sơ mi của gã trên sàn, nghĩ rằng có thể giặt lại được. Cô muốn nhìn kỹ xem gã ho ra cái gì.

Sau khi ho rũ rượi một tràng, gã lều bều rồi vật xuống giường, hôn hển, khuôn mặt ngổ ngáo hấp dẫn mà cô giữ trong ký ức giờ đây nhăn nhúm lại trông phát ghê. Cô biết gã đang sốt cao từ lúc chạm tay vào người gã.

Cái đồng gã ho ra có màu vàng vàng xanh xanh - nhưng không có vệt nâu đỏ nào. Cô mang chiếc áo vào bồn trong toa lét, ở đó cô không ngờ lại tìm thấy một bánh xà phòng, liền đem giặt áo ngay và treo lên móc cửa, sau đó kì cọ tay thật kỹ. Cô buộc phải chùi tay vào chiếc váy mới màu nâu cho khô. Mới vài tiếng trước đây cô vừa mặc chiếc váy này trong một phòng toa lét nhỏ xinh khác - phòng Vệ sinh Nữ trên tàu. Lúc đó cô còn băn khoăn không biết có nên trang điểm một chút không.

Trong một buồng kho hành lang cô thấy một cuộn giấy vệ sinh và lấy mang vào phòng để lần tới gã ho có cái lau. Cô nhật chặn lên và đắp cẩn thận cho gã, kéo màn xuống sát bệ cửa sổ và cố nâng tấm kính đang kẹt rất chặt lên vài phân, rồi chặn cái gạt tàn vừa mới rửa sạch vào để giữ khe cửa mở. Rồi cô ra ngoài hành lang, thay chiếc váy nâu bằng bộ quần áo cũ lấy ra từ va li. Cái váy đẹp và đồ trang điểm ở cái thế giới thực tại lúc này mới phù phiếm làm sao.

Cô không biết gã ốm nặng đến mức nào, nhưng cô đã chăm sóc bà Willets - cũng là một người nghiện thuốc lá nặng - qua vài cơn viêm phế quản rồi, và cô nghĩ có thể tự xoay xử được trước khi nghĩ đến chuyện gọi bác sĩ. Cũng trông cái buồng kho ở hành lang ấy, cô tìm thấy một chồng khăn sạch nhưng đã sờn và bạc phếch, rồi đem nhúng nước một chiếc và lau khắp chân tay gã để hạ sốt. Trong khi cô làm thế thì gã lại tỉnh nửa vờ và lên cơn ho. Cô dựng gã dậy và bảo gã khạc vào giấy vệ sinh, xem một lần nữa trước khi vứt vào bồn cầu rồi rửa tay kỹ. Giờ cô đã có khăn để lau tay. Cô đi xuống dưới nhà và tìm thấy một cái ly thủy tinh ở trong bếp, cùng một chai soda gừng lớn đã hết, cô đổ đầy nước vào chai. Cô mang chai nước lên bắt gã uống. Gã nhấp một chút rồi không chịu uống nữa, nên cô để gã nằm xuống. Khoảng năm phút sau cô lại bắt gã uống tiếp. Cô làm thêm nhiều lần cho đến khi cảm thấy gã đã uống đủ, nếu quá có thể bị nôn ra.

Lâu lâu gã lại ho và cô phải đỡ gã dậy, một tay giữ gã còn tay kia đấm lưng để giúp những thứ trong phổi long ra. Đôi lần gã mở mắt và nhận biết sự có mặt

của cô mà không có biểu hiện của sự ngạc nhiên hoặc hoảng hốt - hay biết ơn vì những gì cô làm. Cô lại lau nước cho gã một lần nữa, cẩn thận kéo chăn che ngay những chỗ vừa lau qua cho gã khỏi lạnh.

Cô nhận thấy trời gã bắt đầu tối, bèn đi xuống bếp, tìm công tắc đèn. Các bóng đèn và bếp điện cũ kỹ vẫn hoạt động. Cô mở một lon cháo gà và hâm nóng rồi mang lên gác và đánh thức gã. Gã nuốt một chút từ cái thìa cô đưa. Cô tranh thủ thời điểm này, khi gã đang tỉnh táo để hỏi xem trong nhà có lọ thuốc aspirin nào không. Gã gật đầu bảo có, nhưng rồi lại lẩn lộn không chỉ được chính xác ở chỗ nào. “Trong sọt rác,” gã nói.

“Không, không,” cô nói. “Ý anh không phải là ở trong sọt rác chứ gì?”

“Ồ... ở...”

Gã cố dùng tay ra dấu hình thù của cái gì đó. Mắt gã ứa lệ.

“Không sao,” Johanna nói. “Không sao đâu.”

Dù sao thì cơn sốt cũng hạ. Gã ngủ được một tiếng, có khi hơn, mà không bị ho lần nào. Rồi gã lại lên cơn sốt. Lúc đó thì cô đã tìm được lọ thuốc aspirin - nó ở trong ngăn kéo tủ bếp cùng với những thứ như một cái tuốc nơ vít, vài cái bóng đèn và một cuộn dây sợi - và cho gã uống vài viên. Một chốc sau gã lên cơn ho dữ dội, nhưng cô không nghĩ gã ho bật viên thuốc nào ra. Khi gã nằm xuống cô áp tai vào ngực gã để nghe tiếng khò khè. Cô đã đi tìm lọ mù tạt để làm thuốc đắp, nhưng chắc trong nhà không còn. Cô lại xuống dưới nhà đun chút nước nóng, đựng vào trong một tô lớn. Cô cố bắt gã áp mặt vào, phủ khăn tắm bên ngoài để gã hít được hơi nước vào phổi. Gã chỉ nghe lời và để yên được một chốc, nhưng chắc như thế cũng có tác dụng - gã khạc ra một đồng đờm.

Gã lại hạ sốt và ngủ ngon lành hơn. Cô kéo một chiếc ghế bành tìm thấy ở một phòng khác sang đó và ngủ trên gác, chập chờn, đôi lúc thức giấc lại thắc mắc không biết mình đang đâu, rồi chợt nhớ ra mọi chuyện, đứng dậy và đến bên giường sờ tay xem gã cơn sốt không - có vẻ thân nhiệt gã đã ổn định - và dèm lại chăn. Cô thì đắp chính chiếc áo choàng dạ vĩnh cửu, món quà của bà Willets.

Gã thức dậy. Trời đã sáng bạch. “Cô đang làm gì ở đây thế?” gã nói bằng giọng khê khê, yếu ớt.

“Em mới đến hôm qua,” cô đáp. “Em mang đồ nội thất đến cho anh. Tàu hàng chưa đến nơi, nhưng đang trên đường tới. Lúc em đến em thấy anh ốm, và anh trở bệnh gần như suốt đêm. Giờ anh thấy thế nào?”

Gã nói, “Khá hơn,” và bắt đầu ho. Cô không phải đỡ gã dậy nữa, gã đang tự ngồi rồi, nhưng cô vẫn tới bên giường và vỗ lưng cho gã. Khi hết cơn ho, gã nói, “Cảm ơn.”

Da gã giờ đã mát như da cô rồi. Và tron mịn, không tốt vết sần sùi hay bệu mỡ. Cô có thể chạm thấy xương sườn gã. Gã giờ đây giống như một cậu trai mảnh khảnh ốm yếu. Người gã ngửi như mùi ngô.

“Anh cứ nuốt đờm,” cô nói. “Đừng làm thế, không tốt đâu. Giấy vệ sinh đây, phải nhổ đờm ra. Cứ nuốt thế có thể bị suy thận đấy.”

“Tôi đâu biết như thế,” gã chống chế. “Cô có tìm được cà phê không?”

Máy pha cà phê đóng cặn đen sì bên trong. Cô cố rửa đi rửa lại kỹ hết sức trước khi cho cà phê vào. Rồi cô đi tắm rửa và chải chuốt qua, vừa bắn khoản không biết nên cho gã ăn gì. Trong kho chứa đồ ăn có một hộp bột bánh bích quy. Thoạt tiên cô nghĩ phải dùng nước để pha, nhưng sau tìm thêm được một hộp sữa bột. Khi cà phê pha xong cô đã có một khay bánh quy trong lò.

Khi vừa nghe tiếng cô nấu nướng trong bếp, gã tự dậy đi vào nhà vệ sinh. Gã yếu hơn gã tưởng - phải khom người và chống một tay vào két nước. Rồi gã tìm thấy ít đồ lót ở đáy buồng kho ngoài hành lang, nơi gã để quần áo sạch. Đến lúc đó gã đã nghĩ ra được người phụ nữ đó là ai rồi. Cô ta nói đến đây để mang đồ nội thất cho gã, dù gã không bảo cô, hay bất kỳ ai khác, mang đồ nội thất gì cả, chỉ cần tiền thôi. Gã chắc mình biết tên cô, nhưng không nhớ ra. Vì thế gã mở ví cô, đang để trên sàn ngoài hành lang cạnh va li của cô. Có một biển tên được may vào lớp lót.

Johanna Parry, và địa chỉ của ông bố vợ gã, ở đường Triển Lãm.

Có một vài thứ khác nữa. Một cái túi vải đựng vài đồng tiền giấy. Hai mươi bảy đô la. Một cái túi nữa đựng xu lẻ, gã không buồn đếm. Một cuốn sổ trương mục ngân hàng màu lam nhạt. Gã mở ra một cách vô thức, không mong đợi sẽ nhìn thấy điều gì bất thường.

Vài tuần trước, Johanna đã chuyên được tất cả số tiền thừa hưởng từ bà Willets, cộng với tất cả các khoản đã dành dụm được vào chung một tài khoản. Cô giải thích với người quản lý ngân hàng rằng không biết mình cần đến số tiền đó khi nào.

Số dư không phải quá khủng, nhưng cũng đủ gây ấn tượng. Điều đó khiến cô có vị thế hẳn lên. Trong đầu Ken Boudreau, con số đó như bọc thêm một lớp nhung lên cái tên Johanna Parry.

“Lúc trước em mặc một cái váy nâu cơ mà?” gã nói, khi cô mang cà phê lên.

“Vâng, em có mặc. Lúc mới tới đây.”

“Anh nghĩ đó là một giấc mơ. Hóa ra là em thật.”

“Đúng như trong giấc mơ kia anh,” Johanna nói, cái trán đầy tàn nhang của cô đỏ rực lên. Gã không biết điều đó nghĩa là gì, và không đủ sức để hỏi lại. Có lẽ là một giấc mơ gã đã làm nhảm ra miệng và bị cô chứng kiến đêm qua - mà giờ đây chính gã cũng chẳng nhớ nổi. Gã lại ho, nhưng nhẹ hơn và cô đưa cho gã dải giấy vệ sinh.

“Rồi,” cô nói, “giờ anh muốn để cà phê của anh ở đâu?” Cô đẩy chiếc ghế gỗ vào chỗ cũ, trước đó cô đã bê dịch nó ra ngoài để đến bên giường gã nhanh hơn. “Đây nhé,” cô nói. Cô xúc nách gã dậy và lót gối vào lưng gã. Chiếc gối bản thủ, không có vỏ gối, nhưng đêm qua cô đã dùng khăn tắm phủ lên.

“Em tìm giúp xem dưới nhà còn điều thuốc nào không?”

Cô lắc đầu, nhưng vẫn nói, “Em sục tìm. Em đang nướng bánh trong lò.”



**K**en Boudreau bị nhiễm thói hay cho người khác vay tiền, cũng như hay phải đi vay. Hầu hết các việc phiền phức rơi vào đầu gã hay nói cách khác là gã tự chui đầu vào, là do gã không biết từ chối bạn bè. Lòng trung thành. Không phải gã bị loại ngũ khỏi binh chủng Không quân trong thời bình, mà tự xin xuất ngũ để tỏ lòng trung thành với người bạn bị kỷ luật vì chửi rửa viện sĩ quan chỉ huy trong buổi liên hoan đơn vị. Trong những bữa tiệc liên hoan như thế, ai cũng biết mọi việc chỉ là bông đùa và không ai để bụng cả, thì việc bạn gã bị kỷ luật là bất công. Và gã bị mất việc ở công ty phân bón vì đã lấy xe tải của công ty vượt biên giới sang Mỹ mà chưa xin phép, lại vào ngày Chủ nhật, để đón một chiến hữu vừa dính vào một vụ ẩu đả và đang lo bị bắt và truy tố.

Càng hào hiệp với bạn bè bao nhiêu thì lại càng khó làm vừa lòng cấp trên bấy nhiêu. Gã sẵn sàng tỏ lộ là rất khó quy lụy người khác. Các từ thừa bảm sao mà khó bật ra từ miệng gã thế. Gã cũng không bị đuổi khỏi công ty bảo hiểm, nhưng bị bỏ qua nhiều đợt xét lên lương, lên chức cứ như là người ta muốn thách xem gã có dám bỏ việc không, và cuối cùng gã bỏ thật.

Cũng phải nói lật và tạt uống rượu có góp phần không nhỏ. Phần nữa là tư tưởng cho rằng sống ở đời phải có tính trượng phu, mà thời buổi này dường như người ta quá thiếu.

Gã thích kể với mọi người rằng gã đã thắng được cả cái khách sạn trong một canh xì tố. Gã không hẳn là một tay sành cờ bạc, nhưng hình như phụ nữ thích nghe những câu chuyện kiểu như vậy. Gã không muốn thú nhận là gã đã nhận

bừa bất động sản đó, chỉ nhìn lên giấy tờ, khi người ta gán nợ. Ngay cả khi đã nhìn tận mặt rồi, gã vẫn tự an ủi và có thể cải tạo được ý tưởng được tự làm chủ đã hấp dẫn gã. Gã không coi đó là nơi mọi người đến thuê phòng để ngủ lại, may ra chỉ có đám thợ săn đến đây vào mùa thu. Gã dự tính sẽ mở quán bán đồ uống và một nhà hàng. Nếu kiếm được một đầu bếp tốt. Nhưng trước khi khởi động được những việc đó, cần phải rót tiền vào. Có quá nhiều việc phải làm - và dù chẳng phải kẻ vụng về, chắc một mình gã cũng không kham nổi. Gã nghĩ nếu trụ được qua mùa đông và túc tắc tự làm được kha khá việc để chứng tỏ quyết tâm tu chí, có lẽ gã sẽ thuyết phục được ngân hàng cho vay khoản tiền đầu tư. Nhưng gã cần một khoản vay nhỏ hơn để tồn tại qua mùa đông, và thế là gã nghĩ đến ông bố vợ. Gã biết là vay của người khác sẽ tốt hơn, nhưng chẳng ai khác có sẵn tiền để bơm cho gã dễ dàng thế.

Gã nghĩ có khi hỏi vay tiền dưới hình thức đề nghị mang bán đồng đồ nội thất lại là một ý tốt, vì gã biết ông già chẳng bao giờ lại chịu động chân động tay làm việc đó cả. Gã biết, tuy không cụ thể, vẫn còn các khoản vay cũ chưa trả được - nhưng gã cũng tự trấn an được rằng mình đáng được hưởng những khoản đó vì đã từng cứu mang Marcelle trong quãng thời gian hành xử vô lối (tất nhiên là nói về cách sống của cô ta, chứ gã lúc đó chưa hành xử như vậy) và vì đã nhận Sabitha là con mình, mặc dù gã có nghi ngờ. Ngoài ra, nhà McCauley là những người duy nhất gã quen biết có tiền không phải do những người đang còn sống làm ra.

*Em mang đồ nội thất đến cho anh.*

Gã không luận ra được điều đó sẽ mang lại hậu quả tốt xấu ra sao cho gã tại thời điểm này. Gã đã quá mệt rồi. Khi cô mang bánh bích quy đến (và không có điều thuốc nào) gã thấy thèm ngủ hơn ăn. Để làm cô vui lòng, gã cố ăn một nửa cái. Rồi gã ngủ như chết. Gã chỉ lơ mơ tỉnh khi cô lật nửa người gã qua một bên rồi lật lại qua bên kia để rút tấm ga giường bắn ra, rồi nhét tấm mới vào mà vẫn không phải đánh thức gã dậy hoặc bắt gã rời khỏi giường.

“Em tìm thấy một tấm ga sạch nhưng nó mỏng tang,” cô nói. (Lại có mùi lưu cữu khó chịu nữa, nên phải phơi trên dây một lúc.”

Sau đó gã nhận ra âm thanh kéo dài triền miên trong giấc mơ của mình hóa ra là tiếng máy giặt. Gã thắc mắc sao lại có thể thế được, vì bình nước nóng hỏng từ lâu rồi. Chắc cô ta đun từng nồi nước trên bếp điện. Lát sau, gã nghe tiếng xe ô tô quen thuộc của mình nổ máy và chạy đi. Chắc cô ta đã tìm thấy chùm chìa khóa trong túi quần gã.

Cô ta có thể đã lấy đi tài sản duy nhất có giá trị và bỏ gã lại, trong khi gã chẳng thể nào gọi điện cho cảnh sát để truy tìm cô ta. Dù gã có lần ra được tới chỗ để máy thì đường dây điện thoại cũng đã bị cắt từ đời nào rồi.

Tình huống ấy lúc này cũng có thể xảy ra - lấy trộm đồ rồi bỏ đi - nhưng khi gã trở mình trên tấm ga mới, có mùi gió đồng nội và mùi cỏ, gã chìm lại vào giấc ngủ, biết chắc rằng cô chỉ đi mua sữa, trứng, bơ, bánh mì và các đồ ăn thức dùng khác - có khi cả thuốc lá nữa - cần thiết cho một cuộc sống tử tế, và rồi cô sẽ về đây và bận rộn việc nọ việc kia dưới nhà, dẹt nên các tiếng động như một tấm lưới an toàn nâng đỡ gã, một món quà trời ban không cần thắc mắc.

Hiện giờ gã cũng đang gặp phiền phức với phụ nữ. Đúng ra là hai người phụ nữ, một cô trẻ và một cụ già hơn (có nghĩa là tầm tuổi gã) chợt biết về chuyện của người kia với gã, và sẵn sàng xé xác nhau khi có dịp. Gần đây, mỗi khi gặp họ, gã chỉ được nhận những lời nhiếc móc và kêu ca, điểm thêm những câu nhắc nhở cấm cử rằng mình yêu gã hơn người kia.

Có lẽ giải pháp cho vụ phiền phức đó cũng đã đến.

Lúc đang mua đồ trong tiệm tạp hóa, Johanna nghe thấy tiếng tàu hỏa và trên đường lái xe về khách sạn, cô thấy một chiếc xe đỗ ở ga tàu. Chưa kịp dừng hẳn chiếc xe của Ken Boudreau, cô đã nhìn thấy các kiện đồ nội thất xếp trên sân ga. Cô nói chuyện với nhân viên đường sắt - đó chính là chiếc xe của anh ta - và anh ta tỏ ra vừa ngạc nhiên vừa khó chịu vì những kiện hàng lớn như vậy lại được chuyển đến ga này. Khi cô moi được thông tin về người có xe tải từ anh ta - mà cô đòi hỏi phải là xe tải sạch sẽ cô dùng điện thoại của nhà ga để gọi người này, nhà cách đó hai mươi dặm và thỉnh thoảng làm thêm dịch vụ chở hàng, nửa ra lệnh nửa dụ dỗ anh ta phải đến ngay. Rồi cô buộc người nhân viên đường sắt phải lại trông kiện hàng cho đến khi xe tải đến. Quãng sau bữa tối xe tải mới tới, rồi chủ xe cùng với con trai dỡ đồ xuống và mang vào phòng chính trong khách sạn.

Ngày hôm sau cô xem xét kỹ xung quanh. Cô đang nung nấu một ý định.

Rồi hôm sau nữa, khi xét thấy Ken Boudreau đã có thể ngồi dậy và lắng nghe, cô nói, “Bỏ tiền vào chỗ này như bỏ xuống giếng thôi. Thị trấn này sắp hết đất rồi. Giờ việc cần làm là dỡ tất cả những gì có thể bán lấy tiền mặt được, đem bán ngay. Em không nói tới đồng đồ nội thất mới mang tới, chỉ nói những thứ như bàn bi a, bếp điện. Sau đó chúng ta phải bán ngôi nhà cho ai có thể bóc những tấm tôn bọc tường ra bán sắt vụn. Có nhiều thứ anh tưởng không có giá trị gì nhưng có thể bán ra tiền, dù ít dù nhiều. Rồi... Trước khi ôm cái khách sạn này, anh tính sẽ làm gì?”

Gã nói rằng gã từng có ý định đi tới vùng British Columbia, tới thành phố Salmon Arm nơi gã có một người bạn có lần nói sẽ tìm được cho gã việc quản lý vườn cây ăn trái. Nhưng khi đó gã không đi được, vì xe ô tô của gã cần thay lốp mới và chỉnh sửa trước khi có thể chạy đường dài, mà tiền gã có chỉ đủ sống qua ngày. Rồi cái khách sạn đột nhiên rơi vào tay gã.

“Vâng, như quả tạ ngàn cân ấy cô nói. “Đầu tư tiền mua lốp và sửa xe còn tốt hơn là chi thêm một đồng một cái nào vào cái nơi như giếng không đáy này. Nên sang tới bên đó trước khi tuyết bắt đầu rơi thì tốt hơn. Và chúng ta lại chuyển đồ nội thất này bằng tàu hỏa, để dùng khi đến đó. Đồ đạc đó đủ để trang bị cho một ngôi nhà.”

“Có lẽ lời hứa giúp tìm việc đó cũng không chắc chắn lắm đâu.”

Cô nói, “Em biết. Nhưng rồi mọi việc sẽ ổn thôi.”

Gã hiểu rằng cô biết thật, và mọi chuyện đã ổn, sẽ ổn. Có thể nói rằng xử lý những trường hợp như của gã là sở trường của cô.

Không hẳn là gã sẽ vô ơn. Gã đã hiểu ra rằng cảm giác biết ơn không phải là gánh nặng, khi nó đến tự nhiên, nhất là khi không đòi hỏi.

Trong gã bắt đầu dấy lên ý nghĩa sự hồi sinh. Đây chính là sự thay đổi ta đang cần. Trước đây gã đã từng nói câu đó, nhưng lần này mới thực sự đúng. Mùa đông không quá khắc nghiệt, mùi những cánh rừng thông và táo chín. Chúng ta chỉ cần có thể để xây dựng một gia đình.

Gã có lòng tự trọng, cô nghĩ. Đó là điều đáng ghi nhận. Có lẽ tốt hơn hết là không bao giờ nhắc lại những lá thư trong đó gã đã trải lòng với cô. Trước khi rời nhà, cô đã hủy hết thư từ. Đúng ra, cô đã hủy ngay từng bức thư sau khi đọc đủ kỹ để nhớ thuộc lòng được, và đối với cô chuyện đó không mất nhiều thời gian. Một trong những lý do làm thế là cô không bao giờ muốn những lá thư đó rơi vào tay bé Sabitha và con bạn gian xảo của nó. Nhất là đoạn trong bức thư sau cùng, về chiếc váy ngủ và trên giường. Không phải là những chuyện đó không thể xảy ra, nhưng người ta sẽ nghĩ viết ra trên giấy trắng mực đen thì dung tục, hoặc sến sẩm, hay dễ làm môi cho những lời châm chọc đàm tiếu.

Cô không nghĩ họ sẽ gặp bé Sabitha thường xuyên. Nhưng cô sẽ không bao giờ ngăn cản, nếu gã muốn gặp con bé nhiều.

Cảm giác choáng ngợp về trách nhiệm và tình cảm này không hẳn là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ với Johanna. Cô đã trải qua cảm giác tương tự với bà Willets - một con người cũng dễ nhìn, đồng bóng, luôn cần được chăm sóc và quản lý. Hóa ra Ken Boudreau lại nặng về những điểm như thế hơn cô hình dung lúc ban đầu, cộng thêm những điểm khác biệt cần phải lường trước được vì gã là đàn ông, nhưng không có điểm nào ở con người gã mà cô không thể xử lý được.

Sau bà Willets, trái tim cô đã khô cạn, và cô tưởng rằng mình sẽ như thế suốt đời. Giờ đây, thật là một sự xáo trộn âm áp, một tình yêu bận bịu.

Sau khi Johanna bỏ đi khoảng hai năm thì ông McCauley mất. Đám tang của ông là đám cuối cùng được cử hành tại nhà thờ dòng Anh giáo. Rất đông người



đến dự. Sabitha - đi cùng với dì họ, người Toronto - giờ đây thật chững chạc và xinh đẹp, và mảnh mai đến không ngờ. Cô bé đội một cái mũ đen diêm dúa và không bắt chuyện với ai trừ phi họ hỏi chuyện cô trước. Ngay cả khi đã nói chuyện, cô bé cũng có vẻ không nhớ rõ ai với ai.

Bản cáo phó đăng trên báo nói rằng tang quyến của ông McCauley gồm có cháu ngoại Sabitha Boudreau, con rể Ken Boudreau, cô Johanna vợ ông Boudreau và con trai mới sinh của vợ chồng họ, bé Omar, đến từ thành phố Salmon Arm, tỉnh B.C.

Mẹ của Edith đọc to những dòng này - bản thân Edith không bao giờ xem báo địa phương. Tất nhiên, việc hai người đó lấy nhau không phải là tin mới với cả hai mẹ con họ - hay với bố của Edith, lúc này đang xem ti vi trong phòng khách. Tin này đã được đồn về trước đó. Chỉ có tin về Omar là mới mẻ.

“Cô ta với một đứa con”, mẹ Edith nói.

Edith đang dịch những dòng chữ La tinh trên bàn bếp. *Tu ne quesieris, scire nefas, quem mihi, quem tibi...*<sup>5</sup>

Lúc ở nhà thờ, nó đã thận trọng không bắt chuyện trước với Sabitha, trước khi Sabitha kịp lờ nó đi.

Giờ đây nó không hẳn sợ bị phanh phui - dù vẫn không hiểu được tại sao hai đứa vẫn chưa bị phát giác. Xét ở góc độ nào đó, những trò tinh quái con người quá khứ của nó không nên liên hệ gì với con người hiện tại thì có vẻ tốt hơn - chưa nói tới con người thật mà nó mong sẽ bộc lộ ra, một khi nó rời khỏi thị trấn này và cách biệt hẳn những người luôn cho rằng họ biết nó. Nó thấy bối rối trước kết cục trái khoáy không thể ngờ được ấy - có vẻ hoang đường, nhưng lờ mờ khó hiểu. Nó còn thấy như bị trêu ngươi, giống như bị ám ảnh bởi một lời nhạo báng hay cảnh báo vô duyên. Vì trong danh sách những việc nó muốn đạt được trong cuộc đời, làm sao lại có chỗ nói rằng nó sẽ góp phần tạo ra một sinh linh tên là Omar trên cõi đời này.

Phớt lờ bà mẹ, nó đặt bút viết, “Đừng hỏi, chúng ta không được phép biết...”

Nó dừng lại, cắn bút nghĩ ngợi và viết nốt câu dịch với một cảm giác hài lòng, “... số phận sẽ mang gì tới cho mình, hay cho người...”

Ghi chú:

1. Một thành ngữ chỉ chỗ khiếm khuyết.
2. Thành phố London, tỉnh Ontario, Canada - không phải thủ đô nước Anh.
3. Một trong mười điều răn của Chúa trong Kinh Thánh.
4. Johanna viết hoa tùy tiện không theo nguyên tắc.
5. Lời thơ trích từ tác phẩm Odes của Horace.